

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ..../...../ND-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Dự thảo ngày  
21/11/2025

## NGHỊ ĐỊNH

### Quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15 ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.

## Chương I

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về việc chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trên phạm vi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.

2. Nghị định này không điều chỉnh việc chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng tại thị trường trong nước theo quy định của Luật Chứng khoán.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam.
2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động chào bán và giao dịch trái phiếu doanh nghiệp.

## **Điều 3. Áp dụng quy định pháp luật liên quan**

1. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu ngoài việc tuân thủ quy định của Nghị định này còn phải thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan. Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, kinh doanh bất động sản, bảo hiểm và xổ số còn phải thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của pháp luật chuyên ngành và quy định của Nghị định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.
2. Doanh nghiệp dự án PPP chào bán trái phiếu ngoài việc tuân thủ quy định của Nghị định này, phải thực hiện theo quy định của pháp luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của pháp luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư với quy định của Nghị định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư.
3. Đối với doanh nghiệp chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế, ngoài việc tuân thủ quy định của Nghị định này phải tuân thủ quy định tại Nghị định số 219/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về quản lý vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh và các văn bản hướng dẫn. Trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của pháp luật về quản lý vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp với quy định của Nghị định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp.
4. Đối với doanh nghiệp nhà nước, ngoài việc tuân thủ theo quy định của Nghị định này, phải tuân thủ quy định về nguyên tắc huy động vốn, thẩm quyền huy động vốn, mục đích huy động vốn theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và pháp luật doanh nghiệp.

## **Điều 4. Giải thích từ ngữ**

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Trái phiếu doanh nghiệp* là loại chứng khoán có kỳ hạn từ 01 năm trở lên do doanh nghiệp phát hành, xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần nợ của doanh nghiệp phát hành.

2. *Trái phiếu doanh nghiệp xanh* là trái phiếu doanh nghiệp được phát hành để huy động vốn cho hoạt động bảo vệ môi trường, dự án đầu tư mang lại lợi ích về môi trường theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường.

3. *Trái phiếu chuyển đổi* là loại hình trái phiếu do công ty cổ phần phát hành, có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của chính doanh nghiệp phát hành theo điều kiện, điều khoản đã được xác định tại phương án phát hành trái phiếu.

4. *Trái phiếu có bảo đảm* là loại hình trái phiếu được bảo đảm thanh toán toàn bộ hoặc một phần lãi, gốc bằng tài sản của doanh nghiệp phát hành hoặc tài sản của bên thứ ba theo quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; hoặc được bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính ở nước ngoài, tổ chức tài chính quốc tế theo quy định của pháp luật.

5. *Trái phiếu kèm chứng quyền* là loại hình trái phiếu được công ty cổ phần phát hành kèm theo chứng quyền, cho phép người sở hữu chứng quyền được quyền mua một số cổ phiếu phổ thông của doanh nghiệp phát hành theo điều kiện, điều khoản đã được xác định tại phương án phát hành trái phiếu.

6. *Tổ chức kiểm toán đủ điều kiện* là tổ chức được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của đơn vị có lợi ích công chúng theo quy định của Luật Kiểm toán độc lập đối với doanh nghiệp phát hành là công ty không phải là công ty đại chúng; là tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo quy định tại khoản 22 Điều 4 Luật Chứng khoán đối với doanh nghiệp phát hành là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

7. *Hoán đổi trái phiếu* là việc doanh nghiệp phát hành trái phiếu để hoán đổi cho trái phiếu đang lưu hành của chính doanh nghiệp đó tại cùng một thời điểm để cơ cấu lại danh mục nợ.

8. *Mua lại trái phiếu trước hạn* là việc doanh nghiệp mua lại trái phiếu đã phát hành của chính doanh nghiệp trước ngày đáo hạn.

9. *Ngày bắt đầu đợt chào bán* là ngày bắt đầu việc thu tiền mua trái phiếu được chào bán từ các nhà đầu tư.

10. *Ngày kết thúc đợt chào bán* là ngày doanh nghiệp phát hành hoàn thành việc phân phối trái phiếu và kết thúc việc thu tiền mua trái phiếu được chào bán từ các nhà đầu tư. Ngày kết thúc đợt chào bán là ngày xác nhận nghĩa vụ nợ của doanh nghiệp phát hành đối với trái phiếu được chào bán.

11. *Hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ* là hệ thống giao dịch cho trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ do Sở giao dịch chứng khoán tổ chức, vận hành.

## **Điều 5. Nguyên tắc phát hành và sử dụng vốn trái phiếu**

1. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu theo nguyên tắc tự vay, tự trả, tự

chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng vốn và đảm bảo khả năng trả nợ, chịu trách nhiệm đối với mọi tranh chấp, khiếu nại liên quan đến việc phát hành, sử dụng vốn, trả nợ gốc, lãi trái phiếu.

2. Mục đích phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước là để thực hiện các dự án đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư, cơ cấu lại nợ của chính doanh nghiệp hoặc mục đích phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Doanh nghiệp phải nêu cụ thể mục đích phát hành tại phương án phát hành theo quy định tại Điều 11 Nghị định này và công bố, cung cấp thông tin cho nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu. Nguồn vốn từ phát hành trái phiếu phải được doanh nghiệp theo dõi riêng, đảm bảo sử dụng vốn và quản lý việc sử dụng vốn đúng mục đích phát hành, phương án sử dụng vốn từ đợt chào bán trái phiếu được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận và nội dung công bố, cung cấp thông tin cho nhà đầu tư.

3. Đối với phát hành trái phiếu xanh, ngoài các quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, nguồn vốn từ phát hành trái phiếu phải được theo dõi, sử dụng cho các dự án thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường, dự án mang lại lợi ích về môi trường theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và phương án phát hành đã được phê duyệt.

4. Đối với trái phiếu phát hành tại thị trường trong nước, doanh nghiệp chỉ được thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu, thay đổi phương án sử dụng vốn từ đợt chào bán khi đáp ứng các quy định sau:

a) Được cấp có thẩm quyền phê duyệt và chấp thuận phương án phát hành trái phiếu quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định này thông qua;

b) Được số người sở hữu trái phiếu đại diện từ 65% tổng số trái phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận.

5. Đối với người sở hữu trái phiếu không chấp thuận thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu, doanh nghiệp phát hành có trách nhiệm đàm phán để đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư. Trường hợp có người sở hữu trái phiếu không chấp thuận phương án đàm phán thì doanh nghiệp phát hành phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với người sở hữu trái phiếu theo phương án phát hành đã công bố cho nhà đầu tư (kể cả trường hợp việc thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu đã được người sở hữu trái phiếu đại diện từ 65% tổng số trái phiếu trở lên chấp thuận).

## **Điều 6. Điều kiện, điều khoản cơ bản của trái phiếu**

1. Kỳ hạn trái phiếu: Do doanh nghiệp phát hành quyết định đối với từng đợt chào bán căn cứ vào nhu cầu sử dụng vốn của doanh nghiệp.

2. Giá trị phát hành: Do doanh nghiệp phát hành quyết định đối với từng đợt chào bán căn cứ vào mục đích, nhu cầu sử dụng vốn của doanh nghiệp, tuân thủ quy định của Nghị định này và pháp luật liên quan.

### 3. Đồng tiền phát hành và thanh toán trái phiếu

a) Đối với trái phiếu chào bán tại thị trường trong nước, đồng tiền phát hành, thanh toán lãi, gốc trái phiếu là đồng Việt Nam;

b) Đối với trái phiếu chào bán ra thị trường quốc tế, đồng tiền phát hành, thanh toán lãi, gốc trái phiếu là ngoại tệ theo quy định tại thị trường phát hành và tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối.

### 4. Mệnh giá trái phiếu

a) Trái phiếu chào bán tại thị trường trong nước, mệnh giá là một trăm triệu (100.000.000) đồng Việt Nam hoặc bội số của một trăm triệu (100.000.000) đồng Việt Nam;

b) Trái phiếu chào bán ra thị trường quốc tế, mệnh giá thực hiện theo quy định tại thị trường phát hành.

### 5. Hình thức trái phiếu

a) Trái phiếu được chào bán dưới hình thức chứng chỉ, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử;

b) Doanh nghiệp phát hành quyết định cụ thể hình thức trái phiếu đối với mỗi đợt chào bán theo quy định tại thị trường phát hành.

### 6. Lãi suất danh nghĩa trái phiếu

a) Lãi suất danh nghĩa trái phiếu có thể xác định theo một trong các phương thức: lãi suất cố định cho cả kỳ hạn trái phiếu; lãi suất thả nổi; hoặc kết hợp giữa lãi suất cố định và thả nổi;

b) Trường hợp lãi suất danh nghĩa là lãi suất thả nổi hoặc kết hợp giữa lãi suất cố định và thả nổi, doanh nghiệp phát hành phải nêu cụ thể cơ sở tham chiếu để xác định lãi suất danh nghĩa tại phương án phát hành và công bố, cung cấp thông tin cho nhà đầu tư mua trái phiếu;

c) Doanh nghiệp phát hành quyết định lãi suất danh nghĩa cho từng đợt chào bán phù hợp với tình hình tài chính và khả năng thanh toán nợ. Lãi suất trái phiếu do tổ chức tín dụng phát hành ngoài việc tuân thủ quy định tại Nghị định này phải phù hợp với quy định về lãi suất của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

7. Loại hình trái phiếu do doanh nghiệp phát hành quyết định theo quy định của pháp luật.

8. Phương thức thanh toán lãi, gốc trái phiếu do doanh nghiệp phát hành quyết định căn cứ vào nhu cầu sử dụng vốn và thông lệ thị trường phát hành để công bố cho nhà đầu tư trước khi chào bán trái phiếu.

## **Điều 7. Trách nhiệm của doanh nghiệp phát hành trái phiếu**

1. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu có trách nhiệm:

a) Tuân thủ quy định của Nghị định này về việc chào bán trái phiếu;

b) Sử dụng vốn và quản lý việc sử dụng vốn từ đợt chào bán trái phiếu đúng mục đích phát hành, phương án sử dụng vốn từ chào bán trái phiếu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận, nội dung công bố, cung cấp thông tin cho nhà đầu tư và theo quy định của pháp luật;

c) Thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc, lãi trái phiếu khi đến hạn và thực hiện các quyền kèm theo (nếu có) cho chủ sở hữu trái phiếu theo điều kiện, điều khoản của trái phiếu;

d) Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước nhà đầu tư về tính chính xác, trung thực, đầy đủ, hợp lệ của thông tin kê khai trong hồ sơ chào bán/đăng ký chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, thông báo về việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, tài liệu công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ và về việc đáp ứng đầy đủ các điều kiện chào bán; có trách nhiệm giải thích cho nhà đầu tư các thông tin liên quan đến phương án phát hành, các rủi ro pháp lý, rủi ro đầu tư, rủi ro sử dụng vốn, quyền, lợi ích, trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp phát hành và của nhà đầu tư;

đ) Doanh nghiệp phát hành phải mua lại trái phiếu trước hạn bắt buộc theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định này;

e) Thực hiện chế độ quản lý tài chính, kế toán thống kê và kiểm toán theo quy định của pháp luật;

g) Tuân thủ các nghĩa vụ khác quy định tại Nghị định này và quy định khác của pháp luật.

2. Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, chủ sở hữu doanh nghiệp phát hành có trách nhiệm:

a) Phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu theo quy định tại Điều lệ của công ty, quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật doanh nghiệp;

b) Theo dõi, quản lý, giám sát việc huy động, sử dụng vốn từ đợt chào bán trái phiếu đúng mục đích phát hành, phương án sử dụng vốn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận, nội dung công bố, cung cấp thông tin cho nhà đầu tư; quản lý, giám sát việc thanh toán lãi, gốc trái phiếu theo thẩm quyền quy định tại Nghị định này và Điều lệ công ty.

3. Cơ quan đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm chấp thuận phương án phát hành trái phiếu của doanh nghiệp nhà nước, quản lý, giám sát việc huy động và sử dụng vốn từ phát hành trái phiếu của doanh nghiệp nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

**Điều 8. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến hồ sơ, tài liệu báo cáo**

1. Tổ chức, cá nhân tham gia vào quá trình lập hồ sơ, tài liệu báo cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực và đầy đủ của hồ sơ, tài liệu báo cáo. Tổ chức, cá nhân tham gia xác nhận hồ sơ, tài liệu báo cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật trong phạm vi liên quan đến hồ sơ, tài liệu báo cáo đó. Hồ sơ, tài liệu báo cáo phải bảo đảm thông tin rõ ràng, không gây hiểu nhầm và có đầy đủ những nội dung quan trọng ảnh hưởng đến quyết định của cơ quan, tổ chức và nhà đầu tư.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền tiếp nhận, xử lý hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu chuyên đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ, hồ sơ đề nghị việc đăng ký chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, hồ sơ đăng ký trái phiếu, đăng ký giao dịch trái phiếu xem xét tính hợp lệ của hồ sơ trên cơ sở hồ sơ được cung cấp; không chịu trách nhiệm về những vi phạm của tổ chức, cá nhân xảy ra trước và sau khi nộp hồ sơ hợp lệ. Hồ sơ hợp lệ là hồ sơ, tài liệu báo cáo có đầy đủ giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức tư vấn hồ sơ thực hiện theo hợp đồng cung cấp dịch vụ ký kết với doanh nghiệp phát hành và có trách nhiệm sau:

a) Trung thực, cẩn trọng và tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật trong hoạt động tư vấn hồ sơ;

b) Có trách nhiệm rà soát, kiểm tra các thông tin trong hồ sơ, bảo đảm việc phân tích, đánh giá được thực hiện hợp lý và cẩn trọng trên cơ sở các thông tin, số liệu, tài liệu được cung cấp, phải chịu trách nhiệm trước pháp luật trong phạm vi tư vấn liên quan đến hồ sơ, tài liệu báo cáo.

4. Tổ chức đại lý phát hành thực hiện phân phối theo hợp đồng cung cấp dịch vụ ký kết với doanh nghiệp phát hành và có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật trong hoạt động phân phối trái phiếu.

5. Tổ chức kiểm toán, kiểm toán viên đủ điều kiện, người ký báo cáo kiểm toán hoặc soát xét phải tuân thủ quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập; tuân thủ chuẩn mực kiểm toán khi kiểm toán báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm đối với ý kiến về tính trung thực, hợp lý của các báo cáo, số liệu được kiểm toán; tuân thủ chuẩn mực về hợp đồng dịch vụ đảm bảo.

6. Tổ chức xếp hạng tín nhiệm, doanh nghiệp thẩm định giá thực hiện theo hợp đồng cung cấp dịch vụ ký kết với doanh nghiệp phát hành. Tổ chức xếp hạng tín nhiệm, doanh nghiệp thẩm định giá, người ký báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm, người lý chứng thư thẩm định giá có trách nhiệm:

a) Bảo đảm độc lập, khách quan, trung thực, minh bạch khi cung cấp dịch vụ và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật trong phạm vi cung cấp dịch vụ;

b) Bảo đảm việc phân tích, nhận định, đưa ra đánh giá kết quả xếp hạng tín nhiệm, kết quả thẩm định giá được thực hiện hợp lý và cẩn trọng trên cơ sở

thu thập thông tin, số liệu, tài liệu được cung cấp và trên cơ sở tuân thủ các quy định pháp luật về xếp hạng tín nhiệm, thẩm định giá, pháp luật có liên quan và quy định tại Nghị định này.

7. Việc nộp và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính quy định tại Nghị định này được thực hiện thông qua các cách thức theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Công Dịch vụ công quốc gia. Khi sử dụng tài khoản định danh điện tử để giải quyết thủ tục hành chính tại Nghị định này thì thông tin về danh tính điện tử, thông tin tích hợp trên căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử có giá trị chứng minh tương đương với việc cung cấp thông tin hoặc sử dụng, xuất trình giấy tờ, tài liệu có chứa thông tin đó trong thực hiện thủ tục hành chính.

## **Chương II**

### **CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU TẠI THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC**

#### **Mục 1**

#### **NGUYÊN TẮC CHUNG**

**Điều 9. Nhà đầu tư tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ**

1. Đối tượng tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ:

a) Đối với trái phiếu không chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu không kèm chứng quyền riêng lẻ: đối tượng tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp;

b) Đối với trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ: đối tượng tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, nhà đầu tư chiến lược;

c) Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là tổ chức theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Chứng khoán đã được bổ sung tại điểm a khoản 3 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15 được tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng đối với trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ quy định tại điểm a và điểm b khoản này;

d) Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Chứng khoán đã được bổ sung tại điểm a khoản 3 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15 được tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng đối với trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.



Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Chứng khoán đã được bổ sung tại điểm a khoản 3 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15 được tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng đối với trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ, trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ, trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty không phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán trong trường hợp trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm và có tài sản đảm bảo hoặc trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm và có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1b Điều 11 Luật Chứng khoán được bổ sung tại điểm b khoản 3 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15. Tài sản bảo đảm hoặc bảo lãnh thanh toán phải bảo đảm thanh toán toàn bộ lãi, gốc của trái phiếu. Tài sản bảo đảm không bao gồm cổ phần, cổ phiếu, trái phiếu, phần vốn góp của chính doanh nghiệp phát hành;

đ) Nhà đầu tư chiến lược tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng đối với trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ quy định tại điểm b khoản này là nhà đầu tư do Đại hội đồng cổ đông lựa chọn theo các tiêu chí về năng lực tài chính, trình độ công nghệ và có cam kết hợp tác với công ty trong thời gian ít nhất 03 năm. Số lượng nhà đầu tư chiến lược tham gia một đợt chào bán không quá 100 nhà đầu tư chiến lược.

2. Việc xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ thực hiện như sau:

a) Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp được xác định theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, ngoại trừ quy định tại điểm b khoản này;

b) Việc xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 11 Luật Chứng khoán để mua trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ phải đảm bảo danh mục chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch do nhà đầu tư nắm giữ có giá trị tối thiểu 02 tỷ đồng được xác định bằng giá trị thị trường bình quân theo ngày của danh mục chứng khoán trong thời gian tối thiểu 180 ngày liền kề trước ngày xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, không bao gồm giá trị vay giao dịch ký quỹ và giá trị chứng khoán thực hiện giao dịch mua bán lại. Việc xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp tại điểm này có giá trị trong vòng 03 tháng kể từ ngày được xác nhận.

3. Tổ chức có trách nhiệm xác định tư cách nhà đầu tư tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu:

a) Tổ chức có trách nhiệm xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và tài liệu xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 4 và Điều 5 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

b) Doanh nghiệp phát hành có trách nhiệm xác định nhà đầu tư chiến lược căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của doanh nghiệp phát hành về việc lựa chọn nhà đầu tư chiến lược theo quy định của pháp luật chứng khoán;

c) Tổ chức xác định tư cách nhà đầu tư tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu có trách nhiệm ký xác nhận vào văn bản xác nhận của nhà đầu tư trước khi mua trái phiếu theo Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc xác định tư cách nhà đầu tư tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu.

#### 4. Trách nhiệm của nhà đầu tư mua trái phiếu:

a) Tiếp cận đầy đủ hồ sơ chào bán trái phiếu, nội dung công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành; hiểu rõ điều kiện, điều khoản trái phiếu và các cam kết khác của doanh nghiệp phát hành trước khi quyết định mua và giao dịch trái phiếu;

b) Hiểu rõ về các rủi ro phát sinh trong việc mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu; hiểu rõ và tuân thủ quy định về đối tượng nhà đầu tư tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định tại pháp luật chứng khoán, pháp luật doanh nghiệp và quy định tại Nghị định này;

c) Tự đánh giá, tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình và tự chịu các rủi ro phát sinh trong việc đầu tư và giao dịch trái phiếu. Nhà nước không bảo đảm việc doanh nghiệp phát hành trái phiếu thanh toán đầy đủ, đúng hạn lãi, gốc trái phiếu khi đến hạn và các quyền khác cho nhà đầu tư mua trái phiếu;

d) Trước khi mua trái phiếu (cả trên thị trường sơ cấp và thứ cấp), nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân phải ký văn bản xác nhận đã thực hiện các quy định tại các điểm a, b, c khoản này và tự chịu trách nhiệm về quyết định mua trái phiếu của mình sau khi ký văn bản xác nhận. Văn bản xác nhận theo mẫu quy định tại Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này phải được lưu trữ tại hồ sơ chào bán trái phiếu hoặc tại công ty chứng khoán nơi nhà đầu tư thực hiện giao dịch trái phiếu theo quy định của pháp luật;

đ) Thực hiện giao dịch trái phiếu theo quy định tại Điều 22 Nghị định này; không được bán hoặc cùng góp vốn đầu tư trái phiếu dưới mọi hình thức với nhà đầu tư không thuộc đối tượng được tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định của pháp luật chứng khoán, pháp luật doanh nghiệp và quy định tại Nghị định này. Việc mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu doanh nghiệp của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và công ty quản lý quỹ thực hiện theo quy định của

pháp luật chuyên ngành;

e) Trường hợp bán trái phiếu trên thị trường thứ cấp, người bán trái phiếu phải cung cấp đầy đủ nội dung công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành theo quy định tại Nghị định này cho nhà đầu tư mua trái phiếu;

g) Sử dụng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt khi thực hiện mua, bán, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ.

#### 5. Quyền lợi của nhà đầu tư mua trái phiếu

a) Được doanh nghiệp phát hành công bố thông tin đầy đủ, cung cấp hồ sơ chào bán trái phiếu theo quy định tại Nghị định này;

b) Được doanh nghiệp phát hành thanh toán đầy đủ, đúng hạn lãi, gốc trái phiếu khi đến hạn, thực hiện các quyền kèm theo (nếu có) theo điều kiện, điều khoản của trái phiếu và các thỏa thuận với doanh nghiệp phát hành;

c) Được yêu cầu doanh nghiệp phát hành mua lại trái phiếu trước hạn theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định này;

d) Được yêu cầu người bán trái phiếu cung cấp đầy đủ nội dung công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành theo quy định tại Nghị định này khi mua trái phiếu trên thị trường thứ cấp.

#### **Điều 10. Việc mở và sử dụng tài khoản phong tỏa**

1. Doanh nghiệp phát hành là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ phải mở 01 tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu của đợt chào bán tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; trường hợp doanh nghiệp phát hành là tổ chức tín dụng phải lựa chọn một ngân hàng khác hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài để mở tài khoản phong tỏa.

Doanh nghiệp phát hành không được sử dụng tiền trong tài khoản phong tỏa dưới bất cứ hình thức nào cho đến khi kết thúc đợt chào bán, báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và có thông báo nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi tài khoản phong tỏa được mở không phải là người có liên quan của doanh nghiệp phát hành. Tài khoản phong tỏa không được trùng với tài khoản thanh toán của doanh nghiệp phát hành.

#### **Điều 11. Phương án phát hành trái phiếu và thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành**

1. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu xây dựng phương án phát hành bao gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Mục đích phát hành trái phiếu theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này;

b) Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán bao gồm các thông tin cụ thể về dự án đầu tư (trong đó nêu cụ thể về quyết định của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án, tình trạng pháp lý của dự án, tổng mức đầu tư của dự án, các rủi ro đầu tư của dự án, tình hình triển khai dự án (dự án đã hoàn thành hoặc chưa hoàn thành thủ tục đầu tư, thời gian thực hiện dự án, dự kiến tiến độ giải ngân) và/hoặc khoản nợ được cơ cấu (trong đó nêu cụ thể về chủ nợ, giá trị, kỳ hạn, mục đích vay nợ, tiến độ dự kiến thanh toán các khoản nợ); đối với tổ chức tín dụng, phương án sử dụng vốn phải nêu rõ là để thực hiện một, một số hoặc toàn bộ các mục đích: tăng vốn cấp 2, cho vay, đầu tư hoặc sử dụng cho mục đích theo quy định pháp luật tổ chức tín dụng.

Trường hợp chưa đến thời điểm giải ngân theo tiến độ, doanh nghiệp được sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu vào các mục đích phù hợp với ngành nghề kinh doanh theo đăng ký doanh nghiệp và phải nêu rõ kế hoạch sử dụng vốn tạm thời nhàn rỗi tại phương án phát hành được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc thông qua;

c) Thuyết minh việc đáp ứng từng điều kiện chào bán trái phiếu theo quy định tại Nghị định này và pháp luật liên quan;

d) Điều kiện, điều khoản của trái phiếu dự kiến chào bán. Đối với chào bán trái phiếu thành nhiều đợt, tổ chức tín dụng phải dự kiến số lượng đợt chào bán, giá trị chào bán của từng đợt và thời điểm chào bán của từng đợt. Đối với trái phiếu có tài sản bảo đảm, doanh nghiệp phát hành phải nêu cụ thể loại tài sản bảo đảm và giá trị của tài sản bảo đảm được định giá bởi tổ chức có chức năng thẩm định giá, tình trạng pháp lý của tài sản bảo đảm, việc đăng ký biện pháp bảo đảm theo quy định của pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm và thứ tự thanh toán cho nhà đầu tư nắm giữ trái phiếu khi xử lý tài sản bảo đảm để thanh toán nợ;

đ) Phương án chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu đối với trường hợp chào bán trái phiếu chuyển đổi (điều kiện, thời hạn, tỷ lệ hoặc phương pháp tính giá chuyển đổi, việc đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật, việc trả nợ vốn trong trường hợp không chuyển đổi trái phiếu, thông qua hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu để chuyển đổi đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, các điều khoản khác);

e) Phương án thực hiện quyền của chứng quyền đối với trường hợp chào bán trái phiếu kèm chứng quyền (điều kiện, thời hạn, tỷ lệ thực hiện quyền; giá hoặc phương pháp tính giá phát hành; việc trả nợ vốn; thông qua hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu để thực hiện quyền đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài; các điều khoản khác). Trường hợp giá chuyển đổi, giá phát hành cổ phiếu để thực hiện quyền thấp hơn mệnh giá, việc chuyển đổi, thực hiện quyền chỉ được thực hiện khi tổ

chức phát hành có đủ thặng dư vốn cổ phần để bù đắp phần thặng dư âm phát sinh do phát hành cổ phiếu dưới mệnh giá;

g) Phương án dự kiến sử dụng vốn thu được từ việc phát hành cổ phiếu để thực hiện quyền của chứng quyền;

h) Các trường hợp, điều kiện, điều khoản và cam kết của doanh nghiệp phát hành về việc mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu;

i) Một số chỉ tiêu tài chính của doanh nghiệp trong 03 năm liền kề trước năm phát hành và sự thay đổi sau khi phát hành (nếu có), bao gồm:

- Vốn chủ sở hữu (nêu cụ thể vốn đầu tư của chủ sở hữu, các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, chênh lệch đánh giá lại tài sản, chênh lệch tỷ giá...);

- Tổng số nợ phải trả gồm nợ vay ngân hàng, nợ vay từ phát hành trái phiếu và nợ phải trả khác (nêu cụ thể các khoản nợ phải trả);

- Chỉ tiêu về cơ cấu vốn gồm: hệ số nợ phải trả/tổng tài sản, hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu;

- Chỉ tiêu về khả năng thanh toán gồm: hệ số thanh toán ngắn hạn (tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn), hệ số thanh toán nhanh ((tài sản ngắn hạn - hàng tồn kho)/nợ ngắn hạn);

- Tổng dư nợ vay trái phiếu (bao gồm tất cả các hình thức vay trái phiếu)/vốn chủ sở hữu;

- Lợi nhuận trước thuế, lợi nhuận sau thuế (trường hợp lỗ, nêu cụ thể lỗ trong năm tài chính và lỗ lũy kế);

- Chỉ tiêu về khả năng sinh lời gồm: hệ số lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản, hệ số lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu;

- Các chỉ tiêu an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành;

k) Tình hình thanh toán lãi, gốc trái phiếu đã phát hành và các khoản nợ đến hạn (không bao gồm nợ trái phiếu) trong 03 năm liên tiếp trước đợt chào bán trái phiếu;

l) Đánh giá về tình hình tài chính và khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn của doanh nghiệp, khả năng trả nợ đối với trái phiếu dự kiến phát hành;

m) Ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính hoặc ý kiến soát xét của kiểm toán đối với báo cáo tài chính;

n) Phương thức phát hành trái phiếu;

o) Đối tượng mua trái phiếu; tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược và danh sách nhà đầu tư chiến lược đối với phát hành trái phiếu chuyển đổi và phát hành trái phiếu kèm chứng quyền; tiêu chí của nhà đầu tư đối với chào bán trái

phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;

p) Phương án trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán phải nêu chi tiết kế hoạch trả nợ lãi, gốc trái phiếu (bao gồm chi tiết kế hoạch bố trí nguồn cho từng kỳ thanh toán lãi, gốc trái phiếu cho đến khi đáo hạn, phương thức thanh toán, số tiền thanh toán, thời gian dự kiến thanh toán, dòng tiền dự kiến thanh toán tương ứng với từng mục đích sử dụng vốn); phương án chi tiết xử lý tài sản đảm bảo trong trường hợp không bố trí được nguồn thanh toán lãi, gốc (trong trường hợp trái phiếu có tài sản đảm bảo);

q) Biện pháp doanh nghiệp phát hành thực hiện để theo dõi, quản lý, giám sát việc sử dụng vốn thu được từ chào bán trái phiếu đúng mục đích;

r) Quyền lợi và trách nhiệm của nhà đầu tư mua trái phiếu, trong đó nêu cụ thể tỷ lệ biểu quyết chấp thuận các vấn đề phải được người sở hữu trái phiếu thông qua nhưng không thấp hơn tỷ lệ biểu quyết tương ứng từ 65% tổng số trái phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên;

s) Quyền và trách nhiệm của doanh nghiệp phát hành.

2. Thẩm quyền phê duyệt và chấp thuận phương án phát hành trái phiếu:

a) Đối với công ty cổ phần:

Phương án chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ và chào bán trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ phải được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Việc biểu quyết thông qua Nghị quyết phê duyệt phương án phát hành thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Phương án chào bán trái phiếu không chuyển đổi không kèm chứng quyền được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo Điều lệ của công ty. Trường hợp Điều lệ của công ty không quy định khác, Hội đồng quản trị có quyền phê duyệt phương án phát hành trái phiếu nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất; báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ chào bán trái phiếu;

b) Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phát hành trái phiếu là Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty hoặc chủ sở hữu công ty theo Điều lệ của công ty;

c) Đối với doanh nghiệp nhà nước, ngoài thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này, phải tuân thủ quy định về thẩm quyền quyết định huy động vốn theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và pháp luật doanh nghiệp;

d) Đối với doanh nghiệp thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện, ngoài thẩm quyền phê duyệt phương án phát hành trái phiếu theo quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản này, thẩm quyền chấp thuận phương án phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có).

## **Điều 12. Phương thức phát hành trái phiếu và các tổ chức cung cấp dịch vụ**

1. Trái phiếu doanh nghiệp được phát hành theo các phương thức sau:

a) Đấu thầu phát hành: Là phương thức lựa chọn nhà đầu tư đủ điều kiện trúng thầu mua trái phiếu đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp phát hành;

b) Bảo lãnh phát hành: Là phương thức bán trái phiếu doanh nghiệp cho nhà đầu tư mua trái phiếu thông qua tổ chức bảo lãnh phát hành hoặc tổ hợp bảo lãnh phát hành;

c) Đại lý phát hành: Là phương thức doanh nghiệp phát hành ủy quyền cho một tổ chức khác thực hiện phân phối trái phiếu cho nhà đầu tư mua trái phiếu;

d) Bán trực tiếp cho nhà đầu tư trái phiếu đối với doanh nghiệp phát hành là tổ chức tín dụng.

2. Doanh nghiệp phát hành quyết định phương thức phát hành và công bố cho nhà đầu tư mua trái phiếu.

3. Tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu doanh nghiệp bao gồm:

a) Công ty chứng khoán được phép cung cấp dịch vụ đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành theo quy định của Luật Chứng khoán và quy định tại Nghị định này;

b) Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép cung cấp dịch vụ đại lý phát hành khi được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp phép theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định của Luật Chứng khoán.

4. Trách nhiệm của tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu doanh nghiệp khi cung cấp dịch vụ:

a) Tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành phải ký hợp đồng cung cấp dịch vụ với doanh nghiệp phát hành, trong đó nêu rõ quyền hạn và trách nhiệm của mỗi bên;

b) Trách nhiệm chính của tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành khi phân phối trái phiếu hoặc trách nhiệm của doanh nghiệp phát hành là tổ chức tín dụng bán trực tiếp trái phiếu cho nhà đầu tư:

- Cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin cho nhà đầu tư theo phương án phát hành trái phiếu đã được phê duyệt, đảm bảo không có nội dung để nhà đầu tư nhầm lẫn giữa việc mua trái phiếu doanh nghiệp và gửi tiền tại tổ chức tín dụng theo hồ sơ, thông tin do doanh nghiệp phát hành cung cấp; cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin cho nhà đầu tư về trách nhiệm và nghĩa vụ của tổ chức

đầu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành khi phân phối trái phiếu; không cung cấp thông tin sai sự thật, không cung cấp thông tin để gây hiểu lầm về trái phiếu cho nhà đầu tư;

- Chi phân phối trái phiếu cho nhà đầu tư đã được doanh nghiệp phát hành hoặc công ty chứng khoán được ủy quyền xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp sau khi đảm bảo nhà đầu tư đã được tiếp cận, hiểu rõ đầy đủ thông tin và ký văn bản xác nhận theo quy định tại Điều 8 Nghị định này; không được chào mời, hỗ trợ nhà đầu tư không thuộc đối tượng nhà đầu tư mua trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ;

- Trường hợp cam kết với nhà đầu tư về việc mua lại trái phiếu doanh nghiệp thì phải ký hợp đồng với nhà đầu tư (trong đó nêu rõ điều kiện, điều khoản về việc mua lại trái phiếu) và phải tuân thủ quy định của pháp luật chuyên ngành khi thực hiện các cam kết này;

- Trường hợp thực hiện bảo lãnh phát hành theo quy định của pháp luật chứng khoán thì phải cung cấp đầy đủ thông tin cho nhà đầu tư về phạm vi bảo lãnh phát hành, không có nội dung để nhà đầu tư nhầm lẫn giữa bảo lãnh phát hành và bảo lãnh thanh toán trái phiếu.

c) Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định này.

5. Tổ chức tư vấn về hồ sơ chào bán trái phiếu là công ty chứng khoán được phép cung cấp dịch vụ tư vấn hồ sơ chào bán chứng khoán theo quy định của pháp luật:

a) Phải ký hợp đồng cung cấp dịch vụ với doanh nghiệp phát hành, trong đó nêu rõ quyền hạn, trách nhiệm của mỗi bên;

b) Khi cung cấp dịch vụ, có trách nhiệm theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định này;

c) Không được tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp phát hành cung cấp thông tin sai sự thật hoặc để gây hiểu lầm về trái phiếu tại hồ sơ chào bán;

d) Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định này.

6. Đại diện người sở hữu trái phiếu là tổ chức được chỉ định hoặc được lựa chọn đại diện cho quyền lợi của người sở hữu trái phiếu bao gồm công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên lưu ký của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán:

a) Phải ký hợp đồng cung cấp dịch vụ với doanh nghiệp phát hành, trong đó nêu rõ quyền hạn, trách nhiệm của mỗi bên;

b) Khi cung cấp dịch vụ, có trách nhiệm tuân thủ quy định tại Điều 24 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;



c) Được thay đổi khi được số người sở hữu trái phiếu đại diện từ 65% tổng số trái phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận. Trường hợp thay đổi các điều khoản khác tại hợp đồng đại diện người sở hữu trái phiếu, việc thay đổi phải đồng thời được cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp phát hành thông qua theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định này;

d) Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định này.

7. Tổ chức kiểm toán đủ điều kiện, doanh nghiệp thẩm định giá, người ký báo cáo kiểm toán, chứng thư thẩm định giá và bất kỳ tổ chức, cá nhân nào xác nhận hồ sơ chào bán trái phiếu phải chịu trách nhiệm trước pháp luật trong phạm vi liên quan đến hồ sơ chào bán trái phiếu.

8. Các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan đến trái phiếu doanh nghiệp quy định tại khoản 3, khoản 5, khoản 6 và khoản 7 Điều này không phải là người có liên quan đối với doanh nghiệp phát hành theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn. Các tổ chức này chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động cung cấp dịch vụ của mình.

### **Điều 13. Mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu**

1. Doanh nghiệp phát hành được mua lại trước hạn theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Trái phiếu bị hủy bỏ sau khi được mua lại.

2. Cấp có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu là cấp có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận phương án mua lại trái phiếu trước hạn hoặc hoán đổi trái phiếu, ngoại trừ trường hợp bắt buộc mua lại trái phiếu trước hạn theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

3. Các trường hợp mua lại trái phiếu trước hạn bao gồm:

a) Mua lại trước hạn theo thỏa thuận giữa doanh nghiệp phát hành và người sở hữu trái phiếu hoặc các trường hợp khác được nêu cụ thể tại phương án phát hành trái phiếu quy định tại Điều 11 Nghị định này (nếu có);

b) Bắt buộc mua lại theo yêu cầu của nhà đầu tư khi:

- Doanh nghiệp phát hành vi phạm pháp luật về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp theo quyết định của cấp có thẩm quyền mà vi phạm đó không thể khắc phục hoặc biện pháp khắc phục không được số người sở hữu trái phiếu đại diện từ 65% tổng số trái phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận;

- Doanh nghiệp phát hành vi phạm phương án phát hành trái phiếu mà vi phạm đó không thể khắc phục hoặc biện pháp khắc phục không được số người sở hữu trái phiếu đại diện từ 65% tổng số trái phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận;

- Các trường hợp khác được nêu cụ thể tại phương án phát hành trái phiếu (nếu có).

4. Quy định tại điểm b khoản 3 Điều này không áp dụng đối với trường hợp trái phiếu bị thu hồi theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

## Mục 2

### **CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU CỦA CÔNG TY KHÔNG PHẢI LÀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG, CÔNG TY CHỨNG KHOÁN, CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN**

**Điều 14. Điều kiện chào bán trái phiếu của công ty không phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán**

1. Đối với chào bán trái phiếu không chuyên đổi, không kèm chứng quyền:

a) Doanh nghiệp là công ty cổ phần hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam;

b) Thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành và đến hạn thanh toán hoặc thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn trong 03 năm liên tiếp trước đợt phát hành trái phiếu (nếu có); trừ trường hợp chào bán trái phiếu cho chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn;

c) Đáp ứng các tỷ lệ an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành;

d) Có nợ phải trả (bao gồm giá trị trái phiếu dự kiến phát hành) không vượt quá 05 lần vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành theo báo cáo tài chính năm quy định tại điểm e khoản này, ngoại trừ tổ chức phát hành là doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp phát hành trái phiếu để thực hiện dự án bất động sản, tổ chức tín dụng, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. Trong trường hợp doanh nghiệp phát hành là công ty mẹ, chỉ tiêu nợ phải trả (bao gồm giá trị trái phiếu dự kiến phát hành), vốn chủ sở hữu được căn cứ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó vốn chủ sở hữu không bao gồm lợi ích của cổ đông không kiểm soát;

đ) Có phương án phát hành trái phiếu được phê duyệt và chấp thuận theo quy định tại Điều 11 Nghị định này;

e) Có báo cáo tài chính năm trước liền kề của năm phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định này;

g) Đối tượng tham gia đợt chào bán theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định này.

2. Đối với trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền:

a) Doanh nghiệp là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam;

b) Đáp ứng điều kiện chào bán quy định tại các điểm b, c, d, đ, e khoản 1 Điều này;

c) Đối tượng tham gia đợt chào bán theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định này (đối với trái phiếu chuyển đổi) hoặc theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định này (đối với trái phiếu kèm chứng quyền).

3. Đối với chào bán trái phiếu thành nhiều đợt, tổ chức tín dụng còn phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có nhu cầu huy động vốn thành nhiều đợt phù hợp với mục đích phát hành trái phiếu được phê duyệt theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định này;

b) Có phương án phát hành trái phiếu trong đó dự kiến cụ thể về giá trị, thời điểm và kế hoạch sử dụng vốn của từng đợt chào bán;

c) Thời gian phân phối trái phiếu của từng đợt chào bán không vượt quá 30 ngày kể từ ngày công bố thông tin trước đợt chào bán. Tổng thời gian chào bán trái phiếu thành nhiều đợt tối đa không quá 06 tháng kể từ ngày phát hành của đợt chào bán đầu tiên.

**Điều 15. Hồ sơ chào bán trái phiếu của công ty không phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán**

1. Phương án phát hành trái phiếu theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định này và Quyết định phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu.

2. Tài liệu chứng minh, cam kết đáp ứng đầy đủ các điều kiện chào bán trái phiếu quy định tại Điều 14 Nghị định này.

3. Báo cáo tài chính năm trước liền kề của năm phát hành phải được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện. Ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính là ý kiến chấp nhận toàn phần; trường hợp ý kiến kiểm toán là ý kiến ngoại trừ thì khoản ngoại trừ không ảnh hưởng đến điều kiện chào bán; doanh nghiệp phát hành phải có tài liệu giải thích hợp lý và có xác nhận của tổ chức kiểm toán về ảnh hưởng của việc ngoại trừ. Trường hợp doanh nghiệp phát hành trái phiếu là công ty mẹ, báo cáo tài chính trong hồ sơ chào bán trái phiếu gồm báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán của năm trước liền kề năm phát hành và báo cáo tài chính được kiểm toán của công ty mẹ năm trước liền kề năm phát hành.

4. Bản cung cấp tin trước đợt chào bán trái phiếu theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định này và theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

5. Hợp đồng ký kết giữa doanh nghiệp phát hành với các tổ chức cung cấp vụ liên quan đến đợt chào bán trái phiếu, bao gồm:

- a) Hợp đồng ký kết với tổ chức tư vấn về hồ sơ chào bán trái phiếu;
- b) Hợp đồng ký kết với tổ chức đấu thầu, đại lý phát hành trái phiếu (nếu có);
- c) Hợp đồng ký kết với Đại diện người sở hữu trái phiếu theo quy định của pháp luật chứng khoán trong trường hợp trái phiếu có bảo đảm hoặc trái phiếu chào bán cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân;
- d) Hợp đồng ký kết với đại lý quản lý tài sản bảo đảm đối với trái phiếu có bảo đảm (nếu có);
- đ) Hợp đồng ký kết với các tổ chức khác liên quan đến đợt chào bán trái phiếu (nếu có).

6. Báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trong trường hợp chào bán cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân.

7. Đối với trái phiếu có bảo đảm, hồ sơ chào bán trái phiếu còn phải bao gồm:

a) Đối với trường hợp bảo đảm theo phương thức bảo lãnh thanh toán: Văn bản cam kết bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính ở nước ngoài, tổ chức tài chính quốc tế theo quy định pháp luật;

b) Đối với trường hợp bảo đảm bằng tài sản: tài liệu chứng minh quyền sở hữu đối với tài sản được dùng để bảo đảm thanh toán trái phiếu; cam kết của bên thứ ba sở hữu tài sản bảo đảm về việc dùng tài sản đó để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thanh toán trái phiếu (trường hợp bảo đảm bằng tài sản của bên thứ ba); hợp đồng có nghĩa vụ được bảo đảm giữa bên sở hữu tài sản bảo đảm, Đại diện người sở hữu trái phiếu, bên nhận tài sản bảo đảm khác (trường hợp Đại diện người sở hữu trái phiếu không được nhận tài sản bảo đảm) và tổ chức phát hành; hợp đồng bảo hiểm tài sản (nếu có) đối với các tài sản này; chứng thư thẩm định giá tài sản bảo đảm còn hiệu lực; văn bản xác nhận đã đăng ký biện pháp bảo đảm đối với tài sản được dùng để bảo đảm (nếu có).

8. Văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có).

9. Quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ sở hữu công ty thông qua hồ sơ chào bán đã đáp ứng đủ điều kiện và các thông tin, tài liệu trong hồ sơ chào bán đã đầy đủ, hợp lệ, chính xác, trung thực.

10. Trường hợp chào bán trái phiếu thành nhiều đợt, hồ sơ chào bán còn bao gồm các tài liệu sau:

- a) Tài liệu về dự án hoặc kế hoạch sử dụng vốn làm nhiều đợt;
- b) Tài liệu cập nhật tình hình chào bán và sử dụng vốn thu được từ các đợt chào bán trước theo phương án phát hành trái phiếu;
- c) Tài liệu cập nhật về tình hình tài chính của doanh nghiệp phát hành trong trường hợp đợt chào bán sau cách đợt chào bán trước từ 03 tháng trở lên và trường hợp đợt chào bán sau khác năm tài chính với đợt chào bán trước.

**Điều 16. Trình tự, thủ tục chào bán trái phiếu của công ty không phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán**

1. Doanh nghiệp phát hành tự đánh giá điều kiện chào bán theo quy định tại Điều 14 Nghị định này, quyết định phương án phát hành và lập hồ sơ chào bán trái phiếu theo quy định tại Điều 15 Nghị định này.

2. Doanh nghiệp phát hành phải gửi thông báo bằng văn bản về việc chào bán trái phiếu trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ đến Sở Tài chính (nơi đăng ký doanh nghiệp) theo Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, để theo dõi, tổng hợp tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp trong phạm vi địa phương. Việc Sở Tài chính tiếp nhận thông báo về việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ không hàm ý xác nhận và đảm bảo cho đợt chào bán trái phiếu của doanh nghiệp.

3. Tối thiểu 01 ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức đợt chào bán trái phiếu (ngày bắt đầu đợt chào bán), doanh nghiệp phát hành phải gửi Bản cung cấp thông tin trước đợt chào bán cho nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu theo quy định tại Điều 31 Nghị định này và cho Sở giao dịch chứng khoán để tổng hợp, báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 42 Nghị định này. Bản cung cấp thông tin trước đợt chào bán phải đồng thời gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đối với tổ chức tín dụng) hoặc Bộ Tài chính (đối với doanh nghiệp bảo hiểm).

4. Doanh nghiệp phát hành phải cung cấp hồ sơ chào bán trái phiếu theo quy định tại Điều 15 Nghị định này cho nhà đầu tư mua trái phiếu. Nhà đầu tư mua trái phiếu phải ký văn bản xác nhận đã thực hiện các quy định tại các điểm a, b và c khoản 4 Điều 9 Nghị định này.

5. Doanh nghiệp tổ chức chào bán trái phiếu theo phương thức phát hành được nêu trong Bản cung cấp thông tin trước đợt chào bán. Doanh nghiệp phải hoàn thành việc phân phối trái phiếu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bắt đầu đợt chào bán.

6. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, doanh nghiệp phát hành phải công bố thông tin về kết quả của đợt chào bán theo Mẫu số 08 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này cho các nhà đầu tư đã mua trái phiếu và gửi thông báo kết quả của đợt chào bán cho Sở Tài chính (nơi đăng ký doanh nghiệp), Sở giao dịch chứng khoán. Thông báo kết quả đợt chào bán phải đồng

thời gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đối với tổ chức tín dụng) hoặc Bộ Tài chính (đối với doanh nghiệp bảo hiểm).

### Mục 3

## **CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG, CÔNG TY CHỨNG KHOÁN, CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN**

### **Điều 17. Điều kiện chào bán trái phiếu của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán**

1. Điều kiện chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Luật Chứng khoán.

2. Điều kiện chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán không phải là công ty đại chúng theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Luật Chứng khoán.

3. Điều kiện chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán:

a) Các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Chứng khoán;

b) Đợt chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền phải cách ít nhất 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, phát hành riêng lẻ gần nhất, bao gồm: chào bán cổ phiếu riêng lẻ; chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ; chào bán trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ; chào bán cổ phiếu ưu đãi kèm chứng quyền riêng lẻ; phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần cho cổ đông công ty cổ phần chưa đại chúng, hoán đổi phần vốn góp cho thành viên góp vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn; phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần cho số cổ đông xác định trong công ty đại chúng; phát hành cổ phiếu để hoán đổi nợ.

### **Điều 18. Hồ sơ chào bán, trình tự, thủ tục chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán**

1. Hồ sơ chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán:

a) Tài liệu chứng minh, cam kết đáp ứng đầy đủ các điều kiện chào bán trái phiếu quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 17 Nghị định này;

b) Các tài liệu theo quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 và khoản 10 Điều 15 Nghị định này.

2. Trình tự, thủ tục chào bán trái phiếu không chuyên đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán:

a) Doanh nghiệp phát hành tự đánh giá điều kiện chào bán theo quy định tại Điều 17 Nghị định này, quyết định phương án phát hành và lập hồ sơ chào bán trái phiếu theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định này;

b) Doanh nghiệp phát hành phải gửi thông báo bằng văn bản về việc chào bán trái phiếu đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo mẫu tại Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, để theo dõi, tổng hợp tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp không chuyên đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán. Việc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tiếp nhận thông báo về việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ không hàm ý xác nhận và đảm bảo cho đợt chào bán trái phiếu của doanh nghiệp;

c) Tối thiểu 01 ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức đợt chào bán trái phiếu (ngày bắt đầu đợt chào bán), doanh nghiệp phát hành phải gửi Bản cung cấp thông tin trước đợt chào bán cho nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu theo quy định tại Điều 31 Nghị định này và cho Sở giao dịch chứng khoán để tổng hợp, báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 42 Nghị định này. Bản cung cấp thông tin trước đợt chào bán phải đồng thời gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đối với tổ chức tín dụng) hoặc Bộ Tài chính (đối với doanh nghiệp bảo hiểm);

d) Doanh nghiệp phát hành phải cung cấp hồ sơ chào bán trái phiếu theo quy định tại Điều 15 Nghị định này cho nhà đầu tư mua trái phiếu. Nhà đầu tư mua trái phiếu phải ký văn bản xác nhận đã thực hiện các quy định tại các điểm a, b và c khoản 4 Điều 9 Nghị định này;

đ) Doanh nghiệp tổ chức chào bán trái phiếu theo phương thức phát hành được nêu trong Bản cung cấp thông tin trước đợt chào bán. Doanh nghiệp phải hoàn thành việc phân phối trái phiếu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bắt đầu đợt chào bán;

e) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, doanh nghiệp phát hành phải công bố thông tin về kết quả của đợt chào bán theo mẫu tại Mẫu số 08 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này cho các nhà đầu tư đã mua trái phiếu và gửi thông báo kết quả của đợt chào bán cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Thông báo kết quả đợt chào bán phải đồng thời gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đối với tổ chức tín dụng) hoặc Bộ Tài chính (đối với doanh nghiệp bảo hiểm).

**Điều 19. Hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán**

1. Giấy đăng ký chào bán theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành quy định tại Điều 11 Nghị định này. Những người có quyền lợi liên quan đến đợt chào bán không được tham gia biểu quyết.

3. Quyết định của Hội đồng quản trị thông qua đối tượng được chào bán là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền. Những người có quyền lợi liên quan đến đợt chào bán không được tham gia biểu quyết.

4. Quyết định của Hội đồng quản trị thông qua hồ sơ đăng ký chào bán. Đối với việc chào bán của tổ chức tín dụng, hồ sơ phải có văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về đề nghị tăng vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng. Đối với việc chào bán của tổ chức kinh doanh bảo hiểm, hồ sơ phải có văn bản chấp thuận của Bộ Tài chính về việc tăng vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm.

5. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị (trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền) thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

6. Cam kết của tổ chức phát hành về việc không vi phạm quy định về sở hữu chéo của Luật Doanh nghiệp tại thời điểm chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu và thời điểm thực hiện quyền của chứng quyền.

7. Văn bản xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về việc mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ.

8. Tài liệu quy định tại khoản 8 Điều 15 Nghị định này đối với trái phiếu có bảo đảm.

9. Báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ kèm chứng quyền trong trường hợp chào bán cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân.

10. Tài liệu khác cung cấp thông tin về đợt chào bán cho nhà đầu tư (nếu có).

11. Tài liệu sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán (nếu có).

**Điều 20. Trình tự, thủ tục đăng ký chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán**



1. Doanh nghiệp phát hành tự đánh giá điều kiện chào bán theo quy định tại Điều 17 Nghị định này, quyết định phương án phát hành và lập hồ sơ đăng ký chào bán theo quy định tại Điều 19 Nghị định này.

2. Doanh nghiệp phát hành gửi hồ sơ đăng ký chào bán tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản thông báo cho doanh nghiệp phát hành về việc nhận được đầy đủ hồ sơ; trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có thông báo nhận được đầy đủ hồ sơ, doanh nghiệp phát hành phải công bố thông tin trước đợt chào bán cho nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu theo quy định tại Điều 31 Nghị định này và thông báo cho Sở giao dịch chứng khoán.

4. Doanh nghiệp phát hành phải cung cấp hồ sơ chào bán trái phiếu theo quy định tại Điều 19 Nghị định này cho nhà đầu tư mua trái phiếu. Nhà đầu tư mua trái phiếu phải ký văn bản xác nhận đã thực hiện các quy định tại các điểm a, b và c khoản 4 Điều 9 Nghị định này. Văn bản xác nhận thực hiện theo Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và phải được doanh nghiệp phát hành lưu trữ cùng hồ sơ chào bán trái phiếu.

5. Doanh nghiệp tổ chức chào bán trái phiếu theo phương án phát hành và phải hoàn thành việc phân phối trái phiếu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản thông báo nhận được đầy đủ hồ sơ. Số tiền thu được từ đợt chào bán phải được chuyển vào tài khoản phong tỏa mở tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại Điều 10 Nghị định này.

6. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, doanh nghiệp phát hành phải gửi Báo cáo kết quả đợt chào bán theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này kèm theo xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt chào bán cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp phát hành, Sở giao dịch chứng khoán về kết quả đợt chào bán. Báo cáo kết quả đợt chào bán phải đồng thời gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đối với tổ chức tín dụng) hoặc Bộ Tài chính (đối với doanh nghiệp bảo hiểm).

7. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tài liệu báo cáo kết quả đợt chào bán đầy đủ và hợp lệ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo bằng văn bản về việc nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán cho tổ chức phát hành, đồng thời gửi cho Sở giao dịch chứng khoán và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán. Sau khi có thông báo nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, doanh nghiệp phát hành được yêu cầu

ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi mở tài khoản phong tỏa cầm dứt phong tỏa số tiền thu được từ đợt chào bán.

#### Mục 4

### **ĐĂNG KÝ, LƯU KÝ VÀ GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU**

#### **Điều 21. Đăng ký, lưu ký, thực hiện quyền và chuyển quyền sở hữu trái phiếu**

1. Sau khi kết thúc đợt chào bán trái phiếu riêng lẻ theo quy định tại Nghị định này, doanh nghiệp trái phiếu riêng lẻ phải đăng ký trái phiếu tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong thời hạn sau:

a) 05 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo đã nhận được báo cáo kết quả chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;

b) 05 ngày làm việc kể từ ngày doanh nghiệp phát hành công bố thông tin về kết quả chào bán theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định này đối với các trường hợp không thuộc quy định tại điểm a khoản này;

c) Khi đăng ký trái phiếu tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, doanh nghiệp phát hành phải gửi kèm theo danh sách người sở hữu trái phiếu và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc danh sách người sở hữu trái phiếu đáp ứng đúng đối tượng mua trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định này.

2. Trái phiếu phải được lưu ký tập trung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thông qua thành viên lưu ký trước khi giao dịch, chuyển quyền sở hữu trừ trường hợp khác theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3. Việc trái phiếu doanh nghiệp được đăng ký, lưu ký tập trung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện theo quy định tại Nghị định này và pháp luật chứng khoán, không hàm ý Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam xác nhận và đảm bảo cho tính hợp pháp của đợt chào bán trái phiếu của doanh nghiệp và việc thanh toán đầy đủ lãi, gốc, tiền mua lại trước hạn và các nghĩa vụ liên quan của trái phiếu.

4. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam điều chỉnh số lượng trái phiếu đăng ký trong trường hợp doanh nghiệp phát hành mua lại trước hạn, hoán đổi, chuyển đổi một phần hoặc doanh nghiệp phát hành thay đổi kỳ hạn của trái phiếu nhưng có trường hợp người sở hữu trái phiếu không chấp thuận việc thay đổi dẫn đến doanh nghiệp phát hành phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với người sở hữu trái phiếu này theo phương án phát hành đã công bố.

5. Việc hủy đăng ký, điều chỉnh giảm số lượng trái phiếu đăng ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam không làm thay đổi quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu trái phiếu. Doanh nghiệp phát hành chịu trách nhiệm quản lý thông tin về trái phiếu, người sở hữu trái phiếu sau khi trái phiếu hủy đăng ký, điều chỉnh giảm số lượng trái phiếu đăng ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và tiếp tục thực hiện quyền, lợi ích hợp pháp của người sở hữu trái phiếu (nếu có) theo quy định của pháp luật.

6. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện quyền cho người sở hữu trái phiếu trên cơ sở đề nghị của doanh nghiệp phát hành. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam không chịu trách nhiệm về việc không thực hiện quyền theo đề nghị của doanh nghiệp phát hành nếu đề nghị gửi đến Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam không kịp thời hoặc không đầy đủ, chính xác.

7. Chuyển quyền sở hữu trái phiếu đã đăng ký tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện như sau:

a) Chuyển quyền sở hữu thông qua giao dịch mua bán trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán theo quy định tại Điều 22 Nghị định này;

b) Chuyển quyền sở hữu không thực hiện qua hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán đối với các giao dịch không mang tính chất mua bán hoặc không thể thực hiện được qua hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của Sở giao dịch chứng khoán;

c) Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện chuyển quyền sở hữu trái phiếu trên cơ sở thông tin về kết quả giao dịch do Sở giao dịch chứng khoán cung cấp hoặc hồ sơ, tài liệu đề nghị chuyển quyền sở hữu của tổ chức, cá nhân.

8. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc đăng ký, điều chỉnh số lượng trái phiếu đăng ký, hủy đăng ký trái phiếu, lưu ký, thực hiện quyền, chuyển quyền sở hữu, thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và các trường hợp chuyển quyền sở hữu trái phiếu không thực hiện qua hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán. Việc thanh toán giao dịch trái phiếu không áp dụng theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm.

## **Điều 22. Giao dịch trái phiếu**

1. Doanh nghiệp phải đăng ký giao dịch trái phiếu đã phát hành trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán. Việc đăng ký giao dịch trái phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán theo quy định tại Điều này không hàm ý Sở giao dịch chứng khoán xác nhận và đảm bảo

cho tính hợp pháp của đợt chào bán trái phiếu của doanh nghiệp và việc thanh toán đầy đủ lãi, gốc của trái phiếu.

2. Trình tự, thủ tục đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán bao gồm:

a) Doanh nghiệp gửi hồ sơ đăng ký giao dịch trái phiếu cho Sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo đã nhận được báo cáo kết quả chào bán trái phiếu chuyên đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; đối với các loại trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ còn lại, doanh nghiệp thực hiện đăng ký giao dịch trái phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin về kết quả chào bán theo quy định tại Điều 32 Nghị định này;

b) Hồ sơ đăng ký giao dịch bao gồm:

- Đơn đề nghị đăng ký giao dịch trái phiếu theo mẫu quy định tại Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

- Giấy phép thành lập và hoạt động, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

- Quyết định phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu;

- Văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có);

- Kết quả xếp hạng tín nhiệm của tổ chức xếp hạng tín nhiệm đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu hoặc loại trái phiếu phát hành (nếu có).

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và văn bản của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam về việc trái phiếu đã đăng ký tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch chứng khoán ra thông báo về ngày giao dịch đầu tiên của trái phiếu trên hệ thống giao dịch trái phiếu, đồng thời thực hiện công bố thông tin trên Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp phát hành gửi hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ hoặc không đúng thời hạn, Sở giao dịch chứng khoán gửi thông báo cho doanh nghiệp phát hành yêu cầu hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn 03 ngày qua chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp và nêu rõ lý do.

3. Đăng ký giao dịch trái phiếu của doanh nghiệp sau quá trình tổ chức lại và việc hủy bỏ đăng ký giao dịch trái phiếu:

a) Trái phiếu đã đăng ký giao dịch của công ty bị hợp nhất, bị sáp nhập được tiếp tục đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán;

b) Các trường hợp hủy bỏ đăng ký giao dịch trái phiếu:

- Trái phiếu đến thời gian đáo hạn hoặc doanh nghiệp phát hành chuyển đổi, mua lại hoặc hoán đổi toàn bộ trái phiếu trước thời gian đáo hạn;

- Doanh nghiệp phát hành trái phiếu bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy phép thành lập và hoạt động trong lĩnh vực chuyên ngành;

- Sở giao dịch chứng khoán phát hiện doanh nghiệp phát hành giả mạo hồ sơ đăng ký giao dịch,

- Doanh nghiệp phát hành trái phiếu chấm dứt sự tồn tại do giải thể hoặc phá sản hoặc thực hiện chia, tách doanh nghiệp;

4. Thành viên giao dịch trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán bao gồm thành viên giao dịch và thành viên giao dịch đặc biệt được Sở giao dịch chứng khoán chấp thuận theo quy định của pháp luật chứng khoán:

a) Thành viên giao dịch là công ty chứng khoán;

b) Thành viên giao dịch đặc biệt là các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

c) Điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thành viên, hủy bỏ tư cách thành viên, đình chỉ hoạt động đối với thành viên giao dịch đặc biệt tham gia giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán được thực hiện theo quy định đối với thành viên giao dịch đặc biệt tham gia giao dịch công cụ nợ của Chính phủ quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

5. Việc giao dịch trái phiếu phải được thực hiện thông qua thành viên giao dịch và đảm bảo tuân thủ các quy định:

a) Trái phiếu chỉ được phép giao dịch giữa các đối tượng nhà đầu tư nêu tại phương án phát hành trái phiếu quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định này, trừ trường hợp thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật;

b) Tuân thủ quy định về hạn chế chuyển nhượng đối với trái phiếu chuyên đổi, trái phiếu kèm chứng quyền của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Luật Chứng khoán. Sau thời gian bị hạn chế chuyển nhượng, việc giao dịch trái phiếu thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này.

6. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc tổ chức thị trường giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước và giao dịch không mang tính chất mua bán, giao dịch khác không thực hiện được trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ.

## Mục 5 THANH TOÁN LÃI, GỐC TRÁI PHIẾU

### **Điều 23. Thanh toán lãi, gốc trái phiếu**

1. Doanh nghiệp phát hành bố trí nguồn trả nợ lãi, gốc trái phiếu từ các nguồn vốn hợp pháp của doanh nghiệp và thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho nhà đầu tư theo các điều khoản, điều kiện của trái phiếu.

2. Đối với trái phiếu được bảo đảm bằng tài sản, khi doanh nghiệp phát hành không trả được nợ lãi, gốc trái phiếu thì tài sản bảo đảm sẽ được xử lý để thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm của trái phiếu theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm.

3. Đối với trái phiếu được bảo lãnh thanh toán, khi doanh nghiệp phát hành không trả được nợ lãi, gốc thì tổ chức bảo lãnh thanh toán có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán cho doanh nghiệp phát hành theo cam kết bảo lãnh giữa tổ chức bảo lãnh thanh toán và doanh nghiệp phát hành nêu tại phương án phát hành trái phiếu và đã được công bố thông tin cho nhà đầu tư.

4. Đối với trái phiếu chào bán tại thị trường trong nước, trường hợp doanh nghiệp phát hành không thể thanh toán đầy đủ, đúng hạn nợ gốc, lãi trái phiếu bằng đồng Việt Nam theo phương án phát hành đã công bố cho nhà đầu tư theo quy định tại Điều 11 Nghị định này, doanh nghiệp có thể đàm phán với người sở hữu trái phiếu để thanh toán gốc, lãi trái phiếu đến hạn bằng tài sản khác theo các nguyên tắc sau:

a) Tuân thủ quy định của pháp luật dân sự và pháp luật có liên quan. Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện thì còn phải tuân thủ quy định của pháp luật về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đó;

b) Phải được người sở hữu trái phiếu chấp thuận;

c) Doanh nghiệp phát hành phải công bố thông tin bất thường và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tình trạng pháp lý của tài sản sử dụng để thanh toán gốc, lãi trái phiếu theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp doanh nghiệp phát hành thanh toán gốc, lãi trái phiếu đến hạn cho người sở hữu trái phiếu bằng tài sản khác theo quy định tại khoản 4 Điều này:

a) Đối với tài sản dùng để thanh toán là chứng khoán đã đăng ký tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, việc chuyển quyền sở hữu chứng khoán được thực hiện qua hệ thống của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

b) Đối với tài sản dùng để thanh toán không phải là chứng khoán đã đăng ký tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, việc thanh toán được thực hiện theo thỏa thuận giữa doanh nghiệp phát hành và người sở hữu

trái phiếu. Doanh nghiệp phát hành phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thanh toán cho người sở hữu trái phiếu theo đúng quy định pháp luật.

6. Trường hợp doanh nghiệp phát hành thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu hoặc thanh toán gốc, lãi trái phiếu đến hạn cho người sở hữu trái phiếu bằng tài sản khác dẫn đến đợt thanh toán gốc, lãi trái phiếu bằng tiền không thể thực hiện được cho toàn bộ người sở hữu trái phiếu theo đúng thông tin về điều kiện, điều khoản trái phiếu đã đăng ký với Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trước đó, doanh nghiệp phát hành tự thực hiện đợt thanh toán đó cho toàn bộ người sở hữu trái phiếu. Doanh nghiệp phát hành phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thanh toán cho người sở hữu trái phiếu theo đúng quy định pháp luật.

7. Doanh nghiệp phát hành phải thông báo cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam về việc dùng tài sản khác để thanh toán gốc, lãi trái phiếu cho người sở hữu trái phiếu và việc thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày thanh toán gốc, lãi trái phiếu và phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trong trường hợp không thông báo hoặc thông báo chậm cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

8. Trường hợp doanh nghiệp phát hành không thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc, lãi trái phiếu thì nhà đầu tư có quyền yêu cầu doanh nghiệp phát hành thực hiện nghĩa vụ thanh toán, mua lại trái phiếu trước hạn; có quyền đàm phán với doanh nghiệp về phương án thanh toán gốc, lãi. Việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp bị xâm phạm hoặc giải quyết tranh chấp trong trường hợp doanh nghiệp phát hành không thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc, lãi trái phiếu cho người sở hữu trái phiếu thực hiện theo Điều 49 Nghị định này.

### **Chương III**

## **CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ**

### **Điều 24. Nguyên tắc chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế**

1. Doanh nghiệp chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế phải tuân thủ quy định tại Nghị định này và đáp ứng điều kiện chào bán theo quy định tại thị trường phát hành.

2. Việc giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán ra thị trường quốc tế thực hiện theo quy định tại thị trường phát hành.

3. Việc thực hiện mua lại trước hạn, hoán đổi, chuyển đổi trái phiếu chào bán ra thị trường quốc tế phải tuân thủ quy định tại thị trường phát hành và quy định về quản lý ngoại hối của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

**Điều 25. Điều kiện chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền ra thị trường quốc tế**

1. Có phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ sở hữu công ty phê duyệt.

2. Được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành đối với doanh nghiệp phát hành thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

3. Đáp ứng tỷ lệ an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

4. Đáp ứng quy định về quản lý vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh và pháp luật về quản lý ngoại hối.

5. Đáp ứng các điều kiện chào bán theo quy định tại thị trường phát hành.

**Điều 26. Hồ sơ đề nghị việc đăng ký chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền ra thị trường quốc tế**

1. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ sở hữu công ty thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu, trong đó:

a) Phương án phát hành phải nêu rõ: loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu chào bán, lãi suất trái phiếu hoặc nguyên tắc tính lãi suất trái phiếu, kỳ hạn trái phiếu, thời điểm chào bán. Trường hợp Hội đồng quản trị phê duyệt phương án phát hành trái phiếu, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất, báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ chào bán trái phiếu;

b) Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán bao gồm các thông tin cụ thể về dự án đầu tư (trong đó nêu cụ thể về tình trạng pháp lý, tình hình triển khai dự án) và/hoặc mua tài sản (nêu thông tin về tài sản, chi phí mua dự kiến) và/hoặc góp vốn/mua lại một phần hoặc toàn bộ vốn góp tại doanh nghiệp khác và/hoặc sử dụng để thanh toán các khoản nợ (nêu thông tin về chủ nợ, giá trị hợp đồng, mục đích vay nợ) và/hoặc bổ sung vốn lưu động;

c) Phương án trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán phải nêu rõ kế hoạch trả nợ gốc, lãi trái phiếu (trong đó nêu thời gian, nguồn trả nợ).

2. Văn bản xác nhận tài khoản vốn vay và trả nợ nước ngoài tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép theo quy định của pháp luật quản lý ngoại hối.

3. Văn bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận hạn mức phát hành nằm trong tổng hạn mức vay thương mại nước ngoài của quốc gia.



4. Văn bản phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu của cấp có thẩm quyền đối với doanh nghiệp phát hành thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

5. Báo cáo tài chính được lập theo chuẩn mực kế toán quốc tế trong trường hợp thị trường phát hành yêu cầu.

6. Tài liệu chứng minh bảo đảm điều kiện về tỷ lệ an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

7. Hồ sơ đăng ký chào bán với cơ quan có thẩm quyền tại thị trường phát hành hoặc ý kiến pháp lý của công ty tư vấn luật quốc tế về việc doanh nghiệp không phải đăng ký với cơ quan có thẩm quyền nước sở tại khi phát hành trái phiếu.

8. Giấy đề nghị việc đăng ký chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế theo Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và Quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty thông qua hồ sơ trong trường hợp doanh nghiệp phát hành là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

**Điều 27. Điều kiện chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền ra thị trường quốc tế**

1. Có phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

2. Việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thực hiện quyền kèm theo chứng quyền phải đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật.

3. Đợt chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền phải cách ít nhất 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, phát hành riêng lẻ gần nhất, bao gồm: chào bán cổ phiếu riêng lẻ; chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ; chào bán trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ; chào bán cổ phiếu ưu đãi kèm chứng quyền riêng lẻ; phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần cho cổ đông công ty cổ phần chưa đại chúng, hoán đổi phần vốn góp cho thành viên góp vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn; phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần cho số cổ đông xác định trong công ty đại chúng; phát hành cổ phiếu để hoán đổi nợ.

4. Đáp ứng các điều kiện chào bán quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 25 Nghị định này.

**Điều 28. Hồ sơ đề nghị việc đăng ký chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền ra thị trường quốc tế**

1. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu, trong đó:

a) Phương án phát hành nêu rõ: loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu chào bán, lãi suất hoặc nguyên tắc tính lãi suất trái phiếu, kỳ hạn trái phiếu, thời điểm

chào bán, phương án chuyển đổi trái phiếu (điều kiện, thời hạn, tỷ lệ hoặc phương pháp tính giá chuyển đổi, việc trả nợ vốn trong trường hợp không chuyển đổi trái phiếu, thông qua hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu để chuyển đổi đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, các điều khoản khác), phương án thực hiện quyền của chứng quyền (điều kiện, thời hạn, tỷ lệ thực hiện quyền; giá hoặc phương pháp tính giá phát hành; việc trả nợ vốn; thông qua hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu để thực hiện quyền đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài; các điều khoản khác). Trường hợp giá chuyển đổi, giá phát hành cổ phiếu để thực hiện quyền thấp hơn mệnh giá, việc chuyển đổi, thực hiện quyền chỉ được thực hiện khi doanh nghiệp phát hành có đủ thặng dư vốn cổ phần để bù đắp phần thặng dư âm phát sinh do phát hành cổ phiếu dưới mệnh giá. Những người có quyền lợi liên quan đến đợt chào bán cổ phiếu không được tham gia biểu quyết;

b) Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán bao gồm các thông tin cụ thể về dự án đầu tư (trong đó nêu cụ thể về tình trạng pháp lý, tình hình triển khai dự án) và/hoặc mua tài sản (nêu thông tin về tài sản, chi phí mua dự kiến) và/hoặc góp vốn/mua lại một phần hoặc toàn bộ vốn góp tại doanh nghiệp khác và/hoặc sử dụng để thanh toán các khoản nợ (nêu thông tin về chủ nợ, giá trị hợp đồng, mục đích vay nợ) và/hoặc bổ sung vốn lưu động;

c) Phương án trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán phải nêu rõ kế hoạch trả nợ gốc, lãi trái phiếu (trong đó nêu thời gian, nguồn trả nợ).

2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị (trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền) thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thực hiện quyền kèm theo chứng quyền phải đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

3. Cam kết của tổ chức phát hành về việc không vi phạm quy định về sở hữu chéo của Luật Doanh nghiệp tại thời điểm chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thời điểm thực hiện quyền của chứng quyền.

4. Giấy đề nghị việc đăng ký chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế theo Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và Quyết định của Hội đồng quản trị thông qua hồ sơ trong trường hợp doanh nghiệp phát hành là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

5. Tài liệu quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 26 Nghị định này.

### **Điều 29. Trình tự, thủ tục chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế**

1. Doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ đề nghị việc đăng ký chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền ra thị trường quốc tế theo quy định tại Điều 26 Nghị định này; hồ sơ đề nghị việc đăng ký chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền ra thị trường quốc tế theo quy định tại Điều 28 Nghị định này.

2. Trường hợp doanh nghiệp phát hành là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán:

a) Doanh nghiệp phát hành gửi hồ sơ đề nghị việc đăng ký chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản thông báo nhận được hồ sơ và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc nhận được hồ sơ của doanh nghiệp; trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

b) Sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có thông báo nhận được hồ sơ, doanh nghiệp phát hành gửi Bản cung cấp thông tin trước đợt chào bán trái phiếu đến Sở giao dịch chứng khoán theo Điều 37 Nghị định này và thực hiện chào bán trái phiếu theo quy định của thị trường phát hành;

c) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, doanh nghiệp phát hành báo cáo kết quả chào bán theo mẫu tại Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

d) Doanh nghiệp phát hành thực hiện công bố thông tin về kết quả chào bán theo quy định tại Điều 38 Nghị định này và quy định của thị trường phát hành.

3. Trường hợp doanh nghiệp phát hành không phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, doanh nghiệp phát hành gửi Bản cung cấp thông tin trước đợt chào bán trái phiếu đến Sở giao dịch chứng khoán theo Điều 37 Nghị định này, tổ chức chào bán trái phiếu theo quy định tại thị trường phát hành, thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 38 Nghị định này và quy định của thị trường phát hành.

## **Chương IV** **CÔNG BỐ, CUNG CẤP THÔNG TIN**

### **Mục 1** **CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU TẠI THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC**

#### **Điều 30. Nguyên tắc công bố, cung cấp thông tin**

1. Doanh nghiệp phát hành có trách nhiệm thực hiện công bố, cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời cho nhà đầu tư; các thông tin phải rõ ràng theo quy định của Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Tài chính. Doanh nghiệp phát hành phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung và tính chính xác, trung thực của thông tin công bố, cung cấp.

2. Việc cung cấp thông tin trước khi chào bán trái phiếu không được chứa đựng nội dung có tính chất quảng cáo, mời chào và không thông qua các phương

tiện thông tin đại chúng, trừ trường hợp công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

3. Doanh nghiệp phát hành là công ty đại chúng thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

### **Điều 31. Cung cấp thông tin trước đợt chào bán**

1. Tối thiểu 01 ngày làm việc trước ngày tổ chức đợt chào bán trái phiếu, doanh nghiệp phát hành gửi Bản cung cấp thông tin trước đợt chào bán cho các nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu và Sở giao dịch chứng khoán:

a) Nội dung Bản cung cấp thông tin trước đợt chào bán thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính;

b) Riêng đối với chào bán trái phiếu xanh, ngoài nội dung cung cấp thông tin theo quy định tại điểm a khoản này, doanh nghiệp phát hành phải cung cấp thông tin về quy trình theo dõi, quản lý, giải ngân vốn từ chào bán trái phiếu xanh theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định này;

c) Việc doanh nghiệp gửi Bản cung cấp thông tin trước đợt chào bán cho Sở giao dịch chứng khoán chỉ có mục đích để Sở giao dịch chứng khoán thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều 42 Nghị định này.

2. Đối với tổ chức tín dụng chào bán trái phiếu thành nhiều đợt:

a) Đối với đợt chào bán đầu tiên, việc cung cấp thông tin thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Đối với các đợt chào bán tiếp theo, ngoài việc cung cấp thông tin theo quy định tại điểm a khoản này, tối thiểu 01 ngày làm việc trước mỗi đợt chào bán trái phiếu, tổ chức tín dụng cung cấp thông tin bổ sung cho nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu, đồng thời gửi Sở giao dịch chứng khoán. Nội dung cung cấp thông tin bổ sung theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 11 Điều 15 Nghị định này.

3. Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung cung cấp thông tin trước đợt chào bán theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này để tổng hợp và báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 42 Nghị định này. Việc Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung cung cấp thông tin trước đợt chào bán của tổ chức tín dụng không hàm ý Sở giao dịch chứng khoán xác nhận và đảm bảo cho đợt phát hành trái phiếu của doanh nghiệp.

### **Điều 32. Công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu**

1. Chậm nhất 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán trái phiếu, doanh nghiệp công bố thông tin về kết quả của đợt chào bán cho các nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin đến Sở giao dịch chứng khoán. Nội dung công bố thông tin thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Trường hợp doanh nghiệp chào bán không thành công hoặc hủy đợt chào bán trái phiếu, chậm nhất 10 ngày kể từ ngày kết thúc việc phân phối trái phiếu, doanh nghiệp công bố thông tin cho các nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin đến Sở giao dịch chứng khoán.

3. Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu theo quy định tại khoản 1 Điều này để tổng hợp, công bố thông tin trên chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp và báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 42 Nghị định này.

4. Trường hợp Ủy ban Chứng khoán Nhà nước quyết định đình chỉ, hủy đình chỉ, hoặc hủy bỏ đợt chào bán trái phiếu, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày đợt chào bán trái phiếu bị đình chỉ, hủy đình chỉ, hoặc hủy bỏ, doanh nghiệp phát hành phải công bố việc đình chỉ, hủy đình chỉ, hoặc hủy bỏ đợt chào bán trái phiếu theo phương thức quy định tại khoản 3 Điều 25 của Luật Chứng khoán.

### **Điều 33. Công bố thông tin định kỳ**

1. Định kỳ 06 tháng và hàng năm theo năm tài chính cho đến khi trái phiếu không còn dư nợ, doanh nghiệp phát hành thực hiện công bố thông tin định kỳ cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin định kỳ đến Sở giao dịch chứng khoán:

a) Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính, doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin định kỳ 06 tháng;

b) Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin định kỳ hàng năm;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày trái phiếu không còn dư nợ, doanh nghiệp phát hành thực hiện công bố thông tin cho các nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin đến Sở giao dịch chứng khoán về việc đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà đầu tư, bao gồm việc thanh toán đầy đủ gốc, lãi trái phiếu.

2. Nội dung công bố thông tin thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và bao gồm các tài liệu sau:

a) Báo cáo tài chính bán niên được soát xét hoặc báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện. Trường hợp doanh nghiệp phát hành là công ty mẹ, báo cáo tài chính công bố thông tin gồm báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính của công ty mẹ được soát xét, kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện;

b) Tình hình thanh toán lãi, gốc trái phiếu;

c) Báo cáo định kỳ 6 tháng, hàng năm về tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc chào bán trái phiếu cho đến khi giải ngân hết số tiền thu được hoặc

cho đến khi doanh nghiệp phát hành không còn dư nợ trái phiếu tùy theo thời điểm nào đến trước. Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc chào bán trái phiếu được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện;

d) Báo cáo tình hình thực hiện các cam kết của doanh nghiệp phát hành đối với người sở hữu trái phiếu;

đ) Đối với trái phiếu xanh, ngoài các nội dung quy định tại điểm a, điểm b và điểm d khoản này, hàng năm doanh nghiệp phát hành phải lập báo cáo về việc theo dõi, sử dụng vốn từ phát hành trái phiếu có ý kiến soát xét của tổ chức kiểm toán đủ điều kiện; báo cáo tiến độ giải ngân, tiến độ thực hiện dự án và báo cáo đánh giá tác động môi trường.

3. Trường hợp trái phiếu có lãi suất thả nổi hoặc kết hợp giữa lãi suất cố định và thả nổi, doanh nghiệp phát hành công bố thông tin cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và Sở giao dịch chứng khoán lãi suất thực tế áp dụng cho các kỳ tính lãi trước thời điểm thực hiện trả lãi cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu.

4. Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung công bố thông tin định kỳ của doanh nghiệp phát hành trái phiếu để tổng hợp, công bố thông tin trên chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 40 Nghị định này và báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 42 Nghị định này.

### **Điều 34. Công bố thông tin bất thường**

1. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây, doanh nghiệp phát hành trái phiếu phải công bố thông tin bất thường theo hướng dẫn của Bộ Tài chính cho các nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin đến Sở giao dịch chứng khoán:

a) Bị tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh, bị đình chỉ hoạt động hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép có giá trị tương đương theo quy định của pháp luật; khi có Quyết định về việc tổ chức lại hoặc chuyển đổi doanh nghiệp;

b) Có sự thay đổi về nội dung thông tin so với thông tin đã công bố khi chào bán trái phiếu làm ảnh hưởng đến khả năng trả nợ lãi, gốc trái phiếu;

c) Thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu đã phát hành, thay đổi đại diện người sở hữu trái phiếu, thay đổi phương án sử dụng vốn từ đợt chào bán trái phiếu;

d) Chậm thanh toán gốc, lãi trái phiếu theo phương án phát hành đã công bố thông tin;

đ) Kết quả đàm phán với nhà đầu tư trong trường hợp chậm thanh toán gốc, lãi trái phiếu; việc thực hiện thanh toán gốc, lãi trái phiếu sau thời gian bị chậm thanh toán;

e) Phải thực hiện mua lại trái phiếu trước hạn bắt buộc;

g) Khi nhận được quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc bị xử lý vi phạm pháp luật theo quy định;

h) Thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người đại diện theo pháp luật;

i) Các sự kiện bất thường khác ảnh hưởng đến khả năng thanh toán gốc, lãi trái phiếu của doanh nghiệp.

2. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu phải công bố thông tin bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này đến khi trái phiếu không còn dư nợ.

3. Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này để công bố thông tin trên chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 40 Nghị định này và thực hiện chế độ báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 42 Nghị định này.

**Điều 35. Công bố thông tin về trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền, mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu**

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu hoặc ngày thực hiện quyền của chứng quyền, doanh nghiệp phát hành có trách nhiệm gửi nội dung công bố thông tin đến Sở giao dịch chứng khoán.

2. Đối với mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu:

a) Chậm nhất 10 ngày trước ngày mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu, doanh nghiệp phát hành phải công bố thông tin cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu về việc mua lại trước hạn, hoán đổi trái phiếu bao gồm: phương thức tổ chức mua lại, hoán đổi; điều kiện, điều khoản của việc mua lại, hoán đổi; giá trị trái phiếu mua lại, hoán đổi theo phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Chậm nhất 10 ngày kể từ ngày hoàn tất việc mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu, doanh nghiệp phát hành có trách nhiệm báo cáo cơ quan phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu đồng thời gửi nội dung công bố thông tin đến Sở giao dịch chứng khoán.

3. Nội dung công bố thông tin quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

4. Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung công bố thông tin theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều này để tổng hợp, công bố thông tin trên chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 40

Nghị định này và báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 42 Nghị định này.

## **Mục 2**

### **CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ**

#### **Điều 36. Nguyên tắc công bố, cung cấp thông tin**

1. Doanh nghiệp thực hiện công bố, cung cấp thông tin theo quy định tại thị trường phát hành và quy định tại Nghị định này và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung và tính chính xác, trung thực của thông tin công bố.

2. Việc Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung công bố, cung cấp thông tin của doanh nghiệp phát hành, không hàm ý Sở giao dịch chứng khoán xác nhận và đảm bảo cho đợt chào bán trái phiếu của doanh nghiệp.

#### **Điều 37. Cung cấp thông tin trước đợt chào bán**

1. Tối thiểu 01 ngày làm việc trước ngày tổ chức đợt chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế, doanh nghiệp phát hành gửi Bản cung cấp thông tin trước đợt chào bán trái phiếu đến Sở giao dịch chứng khoán. Nội dung Bản cung cấp thông tin trước đợt chào bán trái phiếu thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung cung cấp thông tin trước đợt chào bán theo quy định tại khoản 1 Điều này để tổng hợp và báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế theo quy định tại Điều 37 Nghị định này.

#### **Điều 38. Công bố thông tin về kết quả chào bán**

1. Chậm nhất 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt phát hành trái phiếu, doanh nghiệp phát hành gửi nội dung công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu đến Sở giao dịch chứng khoán. Nội dung công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Trường hợp doanh nghiệp chào bán không thành công hoặc hủy đợt chào bán trái phiếu, chậm nhất 10 ngày kể từ ngày kết thúc việc phân phối trái phiếu, doanh nghiệp công bố thông tin và gửi nội dung công bố thông tin đến Sở giao dịch chứng khoán.

3. Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu của doanh nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều này để tổng hợp, công bố thông tin trên chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 40 Nghị định này và báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế theo quy định tại Điều 42 Nghị định này.



### **Điều 39. Công bố thông tin định kỳ, bất thường**

1. Định kỳ 06 tháng và hàng năm theo năm tài chính cho đến khi doanh nghiệp phát hành thanh toán đầy đủ gốc, lãi trái phiếu và không còn dư nợ, doanh nghiệp phát hành gửi nội dung công bố thông tin định kỳ đến Sở Giao dịch Chứng khoán:

a) Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính, doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin định kỳ 06 tháng;

b) Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin định kỳ hàng năm;

c) Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày trái phiếu đã không còn dư nợ, doanh nghiệp công bố thông tin đến Sở giao dịch chứng khoán về việc đã thực hiện thanh toán đầy đủ gốc, lãi trái phiếu. Doanh nghiệp không phải thực hiện công bố thông tin định kỳ 06 tháng và hàng năm theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này sau khi trái phiếu đã không còn dư nợ.

2. Nội dung công bố thông tin định kỳ bao gồm các tài liệu sau:

a) Báo cáo tài chính 06 tháng, báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp phát hành trái phiếu đã được kiểm toán hoặc đã được soát xét (nếu có); báo cáo tài chính năm chưa kiểm toán và báo cáo tài chính 06 tháng chưa kiểm toán, chưa được soát xét phải được Đại hội cổ đông hoặc Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty xác nhận số liệu. Trường hợp doanh nghiệp phát hành là công ty mẹ, báo cáo tài chính 06 tháng, báo cáo tài chính năm bao gồm cả báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính của công ty mẹ;

b) Tình hình thanh toán lãi, gốc trái phiếu;

c) Báo cáo định kỳ 6 tháng, hàng năm về tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu đối với trái phiếu còn dư nợ;

d) Báo cáo tình hình thực hiện các cam kết của doanh nghiệp phát hành đối với người sở hữu trái phiếu.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thực hiện quyền của chứng quyền, mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu, doanh nghiệp phát hành có trách nhiệm gửi nội dung công bố thông tin đến Sở giao dịch chứng khoán.

4. Doanh nghiệp phát hành thực hiện công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra các sự kiện sau:

a) Bị tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh, bị đình chỉ hoạt động hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép có giá trị tương đương theo quy định của pháp luật; khi có Quyết định về việc tổ chức lại hoặc chuyển đổi doanh nghiệp;

b) Chậm thanh toán gốc, lãi trái phiếu theo phương án phát hành đã công bố thông tin;

c) Về việc mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu, chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thực hiện quyền của chứng quyền (nếu có);

d) Thông tin bất thường của doanh nghiệp phát hành (nếu có).

5. Nội dung công bố thông tin thực hiện quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

6. Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành trái phiếu theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này để tổng hợp, công bố thông tin trên chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 40 Nghị định này và báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 42 Nghị định này.

## **Chương V**

### **CHUYÊN TRANG THÔNG TIN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VỀ TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP**

**Điều 40. Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp tại Sở Giao dịch Chứng khoán**

1. Sở Giao dịch Chứng khoán có trách nhiệm:

a) Tổng hợp thông tin trên cơ sở nội dung thông tin cung cấp, công bố của doanh nghiệp phát hành trái phiếu tổ chức phát hành trên chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp để thực hiện chế độ báo cáo của Sở Giao dịch Chứng khoán theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Nghị định này;

b) Xây dựng, ban hành Quy chế tiếp nhận, giám sát chế độ công bố thông tin và báo cáo đối với tổ chức phát hành, tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành và quản lý vận hành chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

2. Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp gồm các nội dung sau:

a) Tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp tại thị trường trong nước, bao gồm: tên doanh nghiệp phát hành, một số chỉ tiêu tài chính (dư nợ vay trái phiếu (bao gồm tất cả các hình thức vay trái phiếu), hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu, hệ số tổng dư nợ vay trái phiếu (bao gồm tất cả các hình thức vay trái phiếu)/vốn chủ sở hữu, hệ số thanh toán lãi vay (lợi nhuận trước thuế và lãi vay/lãi vay)), mã trái phiếu, đối tượng chào bán của từng mã trái phiếu, lãi suất phát hành, ngày phát hành, giá trị, mệnh giá, ngày đáo hạn, báo cáo thanh toán gốc lãi trái phiếu, công bố thông tin bất thường, kết quả xếp hạng tín nhiệm đối

với doanh nghiệp phát hành trái phiếu thuộc các trường hợp phải xếp hạng tín nhiệm theo quy định;

b) Tình hình phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế, bao gồm: tên doanh nghiệp phát hành, ngày phát hành, giá trị, mệnh giá, ngày đáo hạn, thị trường phát hành; tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu; tình hình thực hiện chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thực hiện quyền của chứng quyền, mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu (nếu có);

c) Tình hình chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, việc thực hiện quyền của chứng quyền, việc mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu (nếu có);

d) Thông tin khác theo thỏa thuận giữa Sở giao dịch chứng khoán và doanh nghiệp phát hành đề cung cấp cho đối tượng được tiếp nhận thông tin theo Quy chế tiếp nhận, giám sát công bố thông tin, báo cáo và vận hành chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp của Sở giao dịch chứng khoán;

đ) Thông tin về các trường hợp doanh nghiệp phát hành không thanh toán đầy đủ gốc, lãi trái phiếu, sử dụng vốn trái phiếu không đúng mục đích hoặc không thực hiện được các cam kết với nhà đầu tư và các trường hợp doanh nghiệp phát hành bắt buộc phải mua lại trái phiếu trước hạn theo báo cáo của tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành, đại diện người sở hữu trái phiếu và công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành (nếu có).

3. Nhà đầu tư và doanh nghiệp phát hành trái phiếu được truy cập chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp để tìm hiểu thông tin về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo Quy chế tiếp nhận, giám sát công bố thông tin, báo cáo và vận hành chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp do Sở giao dịch chứng khoán ban hành.

**Điều 41. Báo cáo của tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu, tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành, đại diện người sở hữu trái phiếu, Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam**

1. Tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng quý và hàng năm cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Đại diện người sở hữu trái phiếu thực hiện chế độ báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán định kỳ hàng quý, hàng năm và báo cáo trong trường hợp phát hiện tổ chức phát hành có hành vi vi phạm pháp luật ảnh hưởng đến quyền lợi của người sở hữu trái phiếu.

3. Tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng quý, hàng năm cho Sở giao dịch chứng khoán. Riêng đối với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp phép cung cấp dịch vụ đại lý phát hành, ngoài chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định này, phải thực hiện chế độ báo cáo theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

#### 4. Chế độ báo cáo của Sở giao dịch chứng khoán:

a) Sở giao dịch chứng khoán thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng quý, hàng năm cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tình hình chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp gồm chào bán tại thị trường trong nước và chào bán ra thị trường quốc tế;

b) Ngoài chế độ báo cáo định kỳ theo quy định tại điểm a khoản này, Sở giao dịch chứng khoán báo cáo đột xuất cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo yêu cầu của cơ quan quản lý.

#### 5. Chế độ báo cáo của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam

a) Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng quý, hàng năm cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tình hình đăng ký, lưu ký, chuyển quyền sở hữu, cơ cấu nhà đầu tư trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước;

b) Ngoài chế độ báo cáo định kỳ theo quy định tại điểm a khoản này, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam báo cáo đột xuất cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo yêu cầu của cơ quan quản lý.

6. Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ báo cáo của doanh nghiệp phát hành, tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu, đại diện người sở hữu trái phiếu, tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành, Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

## Chương VI

### QUẢN LÝ, GIÁM SÁT VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN

#### **Điều 42. Trách nhiệm của Sở giao dịch chứng khoán**

1. Tổng hợp thông tin về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp để công bố thông tin trên chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp, thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Tổ chức và giám sát việc giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán theo quy định tại Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

3. Quản lý, giám sát việc thực hiện chế độ công bố thông tin và báo cáo đối với doanh nghiệp phát hành, tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành theo quy định tại Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

4. Trường hợp phát hiện có vi phạm trong việc thực hiện chế độ công bố thông tin, báo cáo và giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán, có văn bản yêu cầu doanh nghiệp phát hành và cá nhân, tổ chức có liên quan giải trình, cung cấp bổ sung thông tin, xử lý vi phạm theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán, báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét, xử lý tùy theo mức độ vi phạm.

5. Cung cấp thông tin về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp theo quy định của pháp luật doanh nghiệp và quy định của Nghị định này.

6. Ban hành Quy chế tiếp nhận, giám sát công bố thông tin, báo cáo và vận hành chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp; Quy chế giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ sau khi có ý kiến của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

#### **Điều 43. Trách nhiệm của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam**

1. Tuân thủ quy định về việc đăng ký, lưu ký trái phiếu, chuyển quyền sở hữu và thanh toán giao dịch trái phiếu theo quy định tại Nghị định này và pháp luật chứng khoán.

2. Giám sát doanh nghiệp phát hành, thành viên lưu ký trong việc tuân thủ quy định về đăng ký, lưu ký, thực hiện quyền, chuyển quyền sở hữu, thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định của pháp luật chứng khoán, Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

3. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định này.

4. Trường hợp phát hiện có vi phạm trong việc đăng ký, lưu ký, chuyển quyền sở hữu, thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, có văn bản yêu cầu cá nhân, tổ chức có liên quan giải trình, cung cấp bổ sung thông tin, xử lý theo quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để xem xét, xử lý theo mức độ vi phạm.

5. Ban hành các Quy chế về đăng ký, lưu ký, chuyển quyền sở hữu, thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ sau khi có ý kiến của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

#### **Điều 44. Trách nhiệm của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**

1. Tiếp nhận thông báo về việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán để theo dõi, tổng hợp tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng

lẻ; Có ý kiến về việc chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại thị trường trong nước; có ý kiến về việc chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật chứng khoán.

2. Có ý kiến đối với Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán theo quy định tại khoản 6 Điều 37 và khoản 5 Điều 38 Nghị định này.

3. Quản lý, giám sát việc thực hiện đăng ký, lưu ký, chuyển quyền sở hữu trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam; việc thực hiện công bố thông tin, chế độ báo cáo và tổ chức giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của Sở giao dịch chứng khoán theo quy định tại Nghị định này; Trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm thì thực hiện thanh tra, kiểm tra Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

4. Trên cơ sở quản lý, giám sát hoạt động cung cấp dịch vụ liên quan đến hoạt động chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của công ty chứng khoán, báo cáo giám sát của Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tiếp nhận và xử lý các vi phạm trong hoạt động chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo thẩm quyền và theo quy định tại Nghị định này; kiểm tra, thanh tra đối với hoạt động chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, hoạt động cung cấp dịch vụ liên quan đến chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của công ty chứng khoán.

#### **Điều 45. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**

1. Hướng dẫn việc chào bán trái phiếu của tổ chức tín dụng, hoạt động mua bán trái phiếu doanh nghiệp của tổ chức tín dụng.

2. Kiểm tra, thanh tra, giám sát việc tổ chức tín dụng huy động vốn từ phát hành trái phiếu; cấp phép cho ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung cấp dịch vụ liên quan đến trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định của Nghị định này và pháp luật về tổ chức tín dụng; giám sát, kiểm tra, thanh tra việc tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ liên quan đến chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ và việc các tổ chức này cam kết mua lại trái phiếu của doanh nghiệp khác theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn; xử lý các hành vi vi phạm về chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo thẩm quyền và theo quy định tại Nghị định này.

3. Phối hợp với Bộ Tài chính trong việc kiểm tra, giám sát tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ liên quan đến trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy

định tại Nghị định này và quy định của pháp luật chứng khoán, Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn.

4. Thực hiện quản lý nhà nước về ngoại hối và vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế.

#### **Điều 46. Trách nhiệm của Bộ Tài chính**

1. Hướng dẫn việc công bố, cung cấp thông tin và chế độ báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế; việc đăng ký, lưu ký, thanh toán giao dịch và tổ chức thị trường giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước.

2. Quản lý, giám sát tổ chức kiểm toán, doanh nghiệp thẩm định giá, tổ chức xếp hạng tín nhiệm khi cung cấp dịch vụ liên quan đến trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định của pháp luật về kiểm toán, pháp luật về giá, pháp luật về xếp hạng tín nhiệm.

3. Tổng hợp, đánh giá tình hình hoạt động của thị trường trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định này, đề xuất, kiến nghị Chính phủ ban hành hoặc sửa đổi cơ chế chính sách đảm bảo thị trường trái phiếu doanh nghiệp hoạt động minh bạch và ổn định.

#### **Điều 47. Trách nhiệm của Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, và bộ ngành liên quan**

1. Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm tiếp nhận thông báo về việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của công ty không phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán để theo dõi, tổng hợp tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trong phạm vi địa phương, báo cáo định kỳ và theo yêu cầu của Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh, Bộ Tài chính, cập nhật vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính; kiểm tra hoạt động chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của công ty không phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán trên địa bàn theo phân công, phân cấp của Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh, xử lý các hành vi vi phạm về chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo thẩm quyền và theo quy định tại Nghị định này.

Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm phối hợp, cung cấp thông tin về nội dung đăng ký doanh nghiệp, tình trạng pháp lý và báo cáo tài chính của doanh nghiệp lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, giám sát theo quy định tại Nghị định này có yêu cầu.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước

đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu riêng lẻ trong phạm vi địa phương theo quy định tại Nghị định này và pháp luật doanh nghiệp; có trách nhiệm thiết lập hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trong phạm vi địa phương; thanh tra, kiểm tra hoạt động chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của công ty không phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán trên địa bàn, xử lý các vi phạm về chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo thẩm quyền và theo quy định tại Nghị định này.

Kết quả thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm được thông báo cho Bộ Tài chính theo định kỳ hằng năm trước ngày 31 tháng 3 năm liền kề để Bộ Tài chính tổng hợp, đánh giá tình hình hoạt động của thị trường trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định này. Mẫu biểu, hình thức, phương thức gửi báo cáo thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

3. Các bộ, ngành có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp kiểm tra, giám sát việc chào bán, giao dịch và cung cấp dịch vụ trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan.

## **CHƯƠNG VII**

### **XỬ LÝ VI PHẠM, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI**

#### **Điều 48. Xử lý vi phạm**

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định của Nghị định này và quy định khác của pháp luật có liên quan đến hoạt động chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Việc xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ thực hiện theo quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán và quy định của pháp luật có liên quan.

#### **Điều 49. Giải quyết tranh chấp và bồi thường thiệt hại**

1. Trường hợp quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong hoạt động chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ bị xâm phạm hoặc có tranh chấp phát sinh trong hoạt động chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước thì việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp hoặc giải quyết tranh chấp được thực hiện thông qua thương lượng, hòa giải hoặc yêu cầu Trọng tài hoặc Tòa án Việt Nam giải quyết theo quy định của pháp luật.



2. Chủ thể xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong hoạt động chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ mà gây thiệt hại thì phải bồi thường, thực hiện các trách nhiệm dân sự khác theo thỏa thuận, theo quy định của Bộ luật Dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Thảm quyền, thủ tục để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân hoặc giải quyết tranh chấp phát sinh trong hoạt động chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ được thực hiện theo quy định của pháp luật.

## **Chương VII**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 50. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 trừ nội dung quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Điểm d khoản 1 Điều 14 Nghị định này có hiệu lực thi hành từ 01 tháng 07 năm 2025.

3. Các Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về việc chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trên phạm vi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế (sau đây gọi là Nghị định số 153/2020/NĐ-CP), Nghị định số 65/2022/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế (sau đây gọi là Nghị định số 65/2022/NĐ-CP) và Nghị định số 08/2023/NĐ-CP ngày 5 tháng 3 năm 2023 sửa đổi, bổ sung và ngưng hiệu lực thi hành một số điều tại các Nghị định quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

#### **Điều 51. Điều khoản chuyên tiếp**

1. Đối với trái phiếu doanh nghiệp đã phát hành trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành và còn dư nợ đến thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành:

a) Thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin định kỳ, công bố thông tin bất thường theo quy định tại Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Tài chính;

b) Trái phiếu doanh nghiệp đã phát hành trước ngày Nghị định số 153/2020/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, tổ chức đăng ký, lưu ký trái phiếu có

trách nhiệm tiếp tục thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP cho đến khi không còn thực hiện đăng ký, lưu ký trái phiếu theo các trường hợp quy định tại khoản điểm b khoản 3 Điều này.

2. Việc thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu phát hành trước ngày Nghị định số 65/2022/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (ngày 16 tháng 9 năm 2022) phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

- a) Tuân thủ quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 5 Nghị định này;
- b) Trường hợp kéo dài kỳ hạn của trái phiếu thì thời gian kéo dài tối đa không quá 02 năm so với kỳ hạn tại phương án phát hành trái phiếu đã công bố cho nhà đầu tư;
- c) Trường hợp người sở hữu trái phiếu không chấp thuận thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu thì doanh nghiệp phát hành có trách nhiệm đàm phán để đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư. Trường hợp có người sở hữu trái phiếu không chấp thuận phương án đàm phán thì doanh nghiệp phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với người sở hữu trái phiếu theo phương án phát hành trái phiếu đã công bố cho nhà đầu tư (kể cả trường hợp việc thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu đã được người sở hữu trái phiếu đại diện từ 65% tổng số trái phiếu trở lên chấp thuận).

### 3. Về đăng ký, lưu ký, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu

a) Trái phiếu doanh nghiệp đã phát hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 và còn dư nợ đến thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành: tiếp tục thực hiện theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn cho đến khi tổ chức phát hành thanh toán đầy đủ gốc, lãi của trái phiếu;

b) Trái phiếu doanh nghiệp đã phát hành trước ngày 01 tháng 01 năm 2021 và còn dư nợ đến thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành:

- Chỉ được giao dịch, chuyển nhượng cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Chứng khoán;

- Đối với trái phiếu có kỳ hạn còn lại từ 6 tháng trở lên tính từ thời điểm Nghị định này có hiệu lực phải thực hiện đăng ký, lưu ký và đăng ký giao dịch theo quy định tại Nghị định này trong vòng 3 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành;

- Đối với trái phiếu đang trong thời gian thực hiện đăng ký giao dịch và trái phiếu có kỳ hạn còn lại dưới 6 tháng tính từ thời điểm Nghị định này có hiệu lực: việc giao dịch, chuyển nhượng được thực hiện tại tổ chức lưu ký trái phiếu. Tổ chức lưu ký trái phiếu chịu trách nhiệm trong việc xác định trái phiếu được giao dịch, chuyển nhượng theo đúng quy định của pháp luật.

## **Điều 52. Tổ chức thực hiện**

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì sẽ áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung thay thế đó.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp phát hành trái phiếu và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

### **Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (3b).

**TM. CHÍNH PHỦ  
THỦ TƯỚNG**

**Phạm Minh Chính**

**MẪU SỐ 01**

**MẪU GIẤY ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU CHUYÊN ĐỔI/ TRÁI PHIẾU KÈM CHỨNG QUYỀN RIÊNG LẺ TẠI THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC CỦA CÔNG TY ĐẠI CHỨNG, CÔNG TY CHỨNG KHOÁN, CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN**  
*(Kèm theo Nghị định số: .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ)*

**TÊN CÔNG TY**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: ...../.....

....., ngày ... tháng... năm 20...

**GIẤY ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU CHUYÊN ĐỔI/ TRÁI PHIẾU KÈM CHỨNG QUYỀN RIÊNG LẺ TẠI THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC**

Trái phiếu.....(*mã trái phiếu*)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

**I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU**

1. Tên tổ chức đăng ký chào bán (*đầy đủ*): .....
2. Địa chỉ trụ sở chính: .....
3. Điện thoại: ..... Fax: .....
4. Vốn điều lệ: .....
5. Mã cổ phiếu (*nếu có*): .....
6. Nơi mở tài khoản thanh toán: ..... Số hiệu tài khoản: .....
7. Loại hình doanh nghiệp
8. Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp:
  - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy phép có giá trị tương đương) mã số ... do cơ quan quản lý tại Bộ ( ) ... cấp lần đầu ngày ... , cấp thay đổi lần ... ngày .. (*nêu thông tin thay đổi lần gần nhất*)
  - Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: ..... Mã

ngành: .....

- Sản phẩm/dịch vụ chính: .....

- Vốn điều lệ: .....

9. Doanh nghiệp phát hành thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về việc phát hành ..... (có/không).

10. Mã số thuế:

## II. HÌNH THỨC PHÁT HÀNH: CHÀO BÁN RIÊNG LẺ

### III. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

.....

### IV. THÔNG TIN VỀ TRÁI PHIẾU ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN

1. Tên trái phiếu: .....

2. Loại trái phiếu: .....

3. Kết quả xếp hạng tín nhiệm trong trường hợp bắt buộc phải xếp hạng tín nhiệm theo quy định của pháp luật; hoặc kết quả xếp hạng tín nhiệm (nếu có) trong trường hợp không bắt buộc phải xếp hạng tín nhiệm.

Có xếp hạng tín nhiệm thuộc trường hợp bắt buộc phải xếp hạng tín nhiệm

Có xếp hạng tín nhiệm thuộc trường hợp không bắt buộc phải xếp hạng tín nhiệm

Không có xếp hạng tín nhiệm

*(Nếu có xếp hạng tín nhiệm thì nêu cụ thể kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với doanh nghiệp phát hành hoặc trái phiếu phát hành tại thời điểm công bố thông tin, ngày công bố kết quả xếp hạng tín nhiệm và tên doanh nghiệp cung cấp dịch vụ xếp hạng tín nhiệm)*

4. Mệnh giá trái phiếu ..... đồng/trái phiếu.

5. Số lượng trái phiếu đăng ký chào bán ..... trái phiếu.

6. Tổng giá trị trái phiếu đăng ký chào bán (theo mệnh giá):  
..... đồng.

6. Tỷ lệ tổng giá trị trái phiếu tính theo mệnh giá trên tổng giá trị cổ phiếu đang lưu hành tính theo mệnh giá: .....%

7. Giá chào bán ..... đồng/trái phiếu.

8. Lãi suất danh nghĩa dự kiến: (trường hợp lãi suất thả nổi, lãi suất kết hợp thì nêu cách thức xác định lãi suất).

9. Kỳ hạn trái phiếu: .....

10. Kỳ trả lãi: .....

11. Điều khoản mua lại trái phiếu, mua lại trái phiếu trước hạn (*nếu có*):  
.....

12. Các điều khoản liên quan đến chuyển đổi trái phiếu (*trường hợp chào bán trái phiếu chuyển đổi*):

- Thời hạn chuyển đổi: .....

- Tỷ lệ chuyển đổi hoặc phương pháp xác định tỷ lệ chuyển đổi:  
.....

- Phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài: .....

- Các điều khoản khác (*nếu có*): .....

13. Các điều khoản đối với chứng quyền kèm theo trái phiếu (*trường hợp chào bán trái phiếu kèm chứng quyền*):

- Thời hạn thực hiện quyền: .....

- Tỷ lệ thực hiện quyền: .....

- Giá cổ phiếu thực hiện chứng quyền và nguyên tắc tính thực hiện chứng quyền: .....

- Phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài: .....

- Các điều khoản khác (*nếu có*): .....

14. Các thông tin khác liên quan trái phiếu có bảo đảm (*trường hợp chào bán trái phiếu có bảo đảm*):

- Hình thức bảo đảm: .....

- Giá trị trái phiếu được bảo đảm: .....

- Bảo đảm bằng bảo lãnh thanh toán (*trường hợp bảo đảm thanh toán bằng bảo lãnh*):

+ Tên tổ chức bảo lãnh thanh toán: .....

+ Giá trị bảo lãnh: .....

- Bảo đảm bằng tài sản (*trường hợp bảo đảm thanh toán bằng tài sản*):

+ Tài sản bảo đảm: .....

+ Giá trị tài sản bảo đảm: .....

+ Chủ sở hữu tài sản bảo đảm: .....



1							
2							
...							

3. Quan hệ của các đối tượng được chào bán với tổ chức phát hành, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và Ban Giám đốc (nếu có):

## VII. CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ

1. Tổ chức đầu thầu, bảo lãnh, đại lý chào bán: .....
2. Tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán: .....
3. Tổ chức đăng ký, lưu ký trái phiếu: .....
4. Tổ chức kiểm toán: .....
5. Tổ chức xếp hạng tín nhiệm (nếu có) : .....
6. Tổ chức cung cấp dịch vụ khác (nếu có):.....

## VIII. CAM KẾT CỦA DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH

1. Chúng tôi xin đảm bảo rằng những thông tin trong hồ sơ là đầy đủ và đúng sự thật, không phải là thông tin giả hoặc thiếu có thể làm cho nhà đầu tư mua trái phiếu chịu thiệt hại.

2. Chúng tôi cam kết:

- Nhà đầu tư tham gia đợt chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ đáp ứng điều kiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 31 Luật Chứng khoán và/hoặc quy định tại Nghị định này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc lựa chọn nhà đầu tư tham gia đợt chào bán.

- Nghiên cứu đầy đủ và thực hiện nghiêm chỉnh các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

- Lựa chọn ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mở tài khoản phong tỏa không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành.

- Sử dụng số tiền huy động đúng mục đích.

- Việc phát hành không dẫn đến vi phạm quy định về sở hữu chéo của Luật Doanh nghiệp.

- Chịu mọi hình thức xử lý nếu vi phạm các cam kết nêu trên.

## IX. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;



2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án chào bán và sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán;
3. Văn bản xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về việc mở tài khoản phong tỏa;
4. Tài liệu cung cấp thông tin về đợt chào bán cho nhà đầu tư (nếu có);
5. Tài liệu sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán (nếu có);
6. Báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu hoặc kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với trái phiếu đăng ký chào bán (nếu có).
7. ....

....., ngày.... tháng.... năm 20..

**TÊN DOANH NGHIỆP PHÁT  
HÀNH**

*(Người đại diện theo pháp luật)*

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

**Mẫu số 02**

**MẪU GIẤY ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG, CÔNG TY CHÚNG KHOÁN, CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHÚNG KHOÁN**  
(Kèm theo Nghị định số: .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ)

TÊN CÔNG TY

-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----

Số: ...../.....

....., ngày ... tháng... năm 20...

**GIẤY ĐỀ NGHỊ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

**I. GIỚI THIỆU VỀ DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH**

1. Tên doanh nghiệp phát hành (*đầy đủ*): .....
2. Địa chỉ trụ sở chính: .....
3. Điện thoại: ..... Fax: ..... Website: .....
4. Vốn điều lệ..... đồng
5. Mã cổ phiếu (*nếu có*): .....
6. Nơi mở tài khoản thanh toán: ..... Số hiệu tài khoản: .....
7. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp ... do Sở Kế hoạch và Đầu tư ... cấp lần đầu ngày ..., cấp thay đổi lần thứ ... ngày ..... (*nêu thông tin thay đổi lần gần nhất*)
  - Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: ..... Mã ngành: .....
  - Sản phẩm/dịch vụ chính: .....
8. Giấy phép thành lập và hoạt động (*nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành*): .....
9. Doanh nghiệp phát hành thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà

nước có thẩm quyền về việc phát hành..... (có/không).

## II. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH:

.....

## III. THÔNG TIN VỀ TRÁI PHIẾU ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN

1. Tên trái phiếu: .....
2. Loại trái phiếu: .....
3. Mệnh giá trái phiếu..... đồng/trái phiếu.
4. Số lượng trái phiếu đăng ký chào bán ..... trái phiếu.
5. Tổng giá trị trái phiếu đăng ký chào bán (theo mệnh giá):  
.....đồng.
6. Tỷ lệ tổng giá trị trái phiếu tính theo mệnh giá trên tổng giá trị cổ phiếu đang lưu hành tính theo mệnh giá: .....%
7. Giá chào bán .....đồng/trái phiếu.
8. Lãi suất.....%/năm.
9. Kỳ hạn trái phiếu: .....
10. Kỳ trả lãi: .....
11. Điều khoản mua lại trái phiếu, mua lại trái phiếu trước hạn (nếu có):  
.....
12. Các điều khoản liên quan đến chuyển đổi trái phiếu (trường hợp chào bán trái phiếu chuyển đổi):
  - Thời hạn chuyển đổi: .....
  - Tỷ lệ chuyển đổi hoặc phương pháp xác định tỷ lệ chuyển đổi:  
.....
  - Phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài: .....
  - Các điều khoản khác (nếu có): .....
13. Các điều khoản đối với chứng quyền kèm theo trái phiếu (trường hợp chào bán trái phiếu kèm chứng quyền):
  - Thời hạn thực hiện quyền: .....
  - Tỷ lệ thực hiện quyền: .....
  - Giá phát hành cổ phiếu thực hiện chứng quyền và nguyên tắc tính giá cổ phiếu thực hiện chứng quyền: .....

- Phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài: .....
- Các điều khoản khác (nếu có): .....

14. Các thông tin khác liên quan trái phiếu có bảo đảm (trường hợp chào bán trái phiếu có bảo đảm):

- Hình thức bảo đảm: .....
- Giá trị trái phiếu được bảo đảm: .....

- Bảo đảm bằng bảo lãnh thanh toán (trường hợp bảo đảm thanh toán bằng bảo lãnh):

- + Tên tổ chức bảo lãnh thanh toán: .....
- + Giá trị bảo lãnh: .....

- Bảo đảm bằng tài sản (trường hợp bảo đảm thanh toán bằng tài sản):

- + Tài sản bảo đảm: .....
- + Giá trị tài sản bảo đảm: .....
- + Chủ sở hữu tài sản bảo đảm: .....
- + Tổ chức nhận tài sản bảo đảm: .....

15. Thứ tự ưu tiên thanh toán trái phiếu: .....

16. Thông tin về trái phiếu đã phát hành hiện đang lưu hành của tổ chức phát hành

- Tổng giá trị trái phiếu hiện đang lưu hành của tổ chức phát hành: ....đồng, trong đó:

- + Tổng giá trị trái phiếu chào bán ra công chúng..... đồng.
- + Tổng giá trị trái phiếu chào bán riêng lẻ: ..... đồng.

- Tổng giá trị trái phiếu huy động trong 12 tháng gần nhất tính đến thời điểm đăng ký chào bán: ..... đồng, trong đó:

- + Tổng giá trị trái phiếu chào bán ra công chúng..... đồng.
- + Tổng giá trị trái phiếu chào bán riêng lẻ: ..... đồng.

17. Tỷ lệ tổng giá trị trái phiếu đăng ký chào bán thêm trên tổng giá trị trái phiếu hiện có..... %.

18. Thời gian dự kiến chào bán: .....

19. Phương thức phân phối: .....

20. Thị trường phát hành: .....

#### **IV. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN**

*(Nêu phương án sử dụng, tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán và nguồn vốn đối ứng khác (nếu có))*

#### **V. CÁC BÊN LIÊN QUAN**

1. Tổ chức bảo lãnh phát hành *(nếu có)*: .....
2. Tổ chức tư vấn: .....
3. Tổ chức kiểm toán: .....
4. Bên liên quan khác *(nếu có)*: .....

#### **VI. CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH**

1. Chúng tôi xin đảm bảo rằng những thông tin trong hồ sơ là đầy đủ và đúng sự thật, không phải là thông tin không chính xác hoặc thiếu có thể làm cho người mua chịu thiệt hại.

2. Chúng tôi cam kết:

- Nghiên cứu đầy đủ và thực hiện nghiêm chỉnh các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

- Không có bất kỳ tuyên bố chính thức nào về việc chào bán chứng khoán trên các phương tiện thông tin đại chúng trước khi được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

- Sử dụng vốn huy động đúng mục đích.

- Chịu mọi hình thức xử lý nếu vi phạm các cam kết nêu trên.

#### **VII. HỒ SƠ KÈM THEO**

1. Quyết định của cấp có thẩm quyền thông qua phương án chào bán;
2. Văn bản xác nhận của ngân hàng về việc mở tài khoản phong tỏa;
3. ....

....., ngày.... tháng.... năm 20...  
**TÊN DOANH NGHIỆP PHÁT  
 HÀNH**

*(Người đại diện theo pháp luật)  
 (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

**Mẫu số 03**

**MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU CHUYÊN ĐỔI/TRÁI PHIẾU KÈM CHỨNG QUYỀN RIÊNG LẺ TẠI THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG, CÔNG TY CHỨNG KHOÁN, CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN**  
(Kèm theo Nghị định số: .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ)

TÊN CÔNG TY

-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----

Số: ...../.....

....., ngày ... tháng... năm 20...

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU CHUYÊN ĐỔI/ TRÁI PHIẾU KÈM CHỨNG QUYỀN RIÊNG LẺ**

Trái phiếu ..... (mã trái phiếu)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

**I. GIỚI THIỆU VỀ DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH**

1. Tên doanh nghiệp phát hành (đầy đủ): .....
2. Địa chỉ trụ sở chính: .....
3. Điện thoại: ..... Fax: ..... Website: .....
4. Vốn điều lệ..... đồng.
5. Mã cổ phiếu (nếu có): .....
6. Nơi mở tài khoản thanh toán: ..... Số hiệu tài khoản: .....
7. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp...do Sở Kế hoạch và Đầu tư...cấp lần đầu ngày ....., cấp thay đổi lần thứ.....ngày ....(nêu thông tin thay đổi lần gần nhất).
  - Ngành nghề kinh doanh chính: ..... Mã ngành: .....
  - Sản phẩm/dịch vụ chính: .....
8. Giấy phép thành lập và hoạt động (nếu có theo quy định của pháp luật

*chuyên ngành*): .....

## II. TRÁI PHIẾU CHÀO BÁN RIÊNG LẺ

1. Tên trái phiếu: .....
2. Loại trái phiếu: .....
3. Số lượng trái phiếu đăng ký chào bán ..... trái phiếu
4. Mệnh giá trái phiếu ..... đồng
5. Giá bán dự kiến ..... đồng/trái phiếu
6. Thời hạn trái phiếu ..... năm
7. Lãi suất ..... /năm.
8. Kỳ trả lãi: .....
9. Thời gian hạn chế chuyển nhượng: .....
10. Các điều khoản liên quan đến chuyển đổi trái phiếu (*trường hợp chào bán trái phiếu chuyển đổi*):
  - Điều kiện: .....
  - Thời hạn chuyển đổi: .....
  - Tỷ lệ chuyển đổi và phương pháp tính giá chuyển đổi: .....
  - Các điều khoản khác (*nếu có*): .....
11. Các điều khoản của chứng quyền kèm theo trái phiếu (*trường hợp phát hành trái phiếu kèm theo chứng quyền*):
  - Thời gian thực hiện quyền: .....
  - Tỷ lệ thực hiện quyền: .....
  - Giá cổ phiếu phát hành: .....
12. Ngày phát hành: .....
13. Ngày bắt đầu đợt chào bán: .....
14. Ngày kết thúc đợt chào bán: .....
15. Thời hạn đăng ký mua: từ ngày ..... đến ngày .....
16. Ngày thanh toán tiền mua trái phiếu: .....
17. Ngày kết thúc chuyển giao trái phiếu: .....

## III. KẾT QUẢ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI/TRÁI

## PHIẾU KÈM CHỨNG QUYỀN RIÊNG LẺ

1. Tổng số trái phiếu đã phân phối: ....., chiếm....% tổng số trái phiếu được phép chào bán.

2. Tổng số tiền thu từ việc bán trái phiếu: .....đồng (có xác nhận của ngân hàng nơi mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu đính kèm).

3. Tổng chi phí.....đồng.

- Chi phí bảo lãnh phát hành: .....

- Chi phí phân phối trái phiếu: .....

- Chi phí kiểm toán: .....

- Chi phí khác (nếu có) .....

4. Tổng thu ròng từ đợt chào bán..... đồng

## IV. DANH SÁCH NHÀ ĐẦU TƯ THAM GIA MUA TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI/TRÁI PHIẾU KÈM CHỨNG QUYỀN RIÊNG LẺ

STT	Tên nhà đầu tư	Số Giấy CMND/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số lượng trái phiếu dự kiến phân phối	Giá trị trái phiếu đã phân phối	Ghi chú
1	...				
2					
...					

(Nêu rõ lý do thay đổi nhà đầu tư tham gia mua trái phiếu trong trường hợp danh sách các nhà đầu tư tham gia mua trái phiếu có thay đổi so với danh sách đã đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước)

## V. CƠ CẤU VỐN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH SAU ĐỢT CHÀO BÁN

Đơn vị: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	Trước đợt chào bán	Sau đợt chào bán
Tổng nợ:		
Nợ ngắn hạn:		
Nợ dài hạn:		



Trong đó trái phiếu:		
Tổng vốn cổ phần:		
Tỷ lệ nợ/vốn cổ phần:		

Trong đó tổng giá trị trái phiếu người nước ngoài nắm giữ sau đợt chào bán: .... nghìn đồng, chiếm.....% tổng giá trị trái phiếu đang lưu hành.

## VI. TÀI LIỆU GỬI KÈM

1. Xác nhận của ngân hàng nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt chào bán;
2. Quyết định của Hội đồng quản trị về việc phân phối trái phiếu (nếu có);
3. ....

....., ngày.... tháng.... năm 20...

**TÊN DOANH NGHIỆP PHÁT  
HÀNH**

(Người đại diện theo pháp luật)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Mẫu số 04**

**MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ CỦA CÔNG TY ĐẠI CHỨNG, CÔNG TY CHỨNG KHOÁN, CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN**  
(Kèm theo Nghị định số: .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ)

**TÊN CÔNG TY**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: ...../.....

....., ngày ... tháng... năm 20...

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

**I. GIỚI THIỆU VỀ DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH**

1. Tên doanh nghiệp phát hành (*đầy đủ*): .....
2. Địa chỉ trụ sở chính: .....
3. Điện thoại: ..... Fax: ..... Website: .....
4. Vốn điều lệ..... đồng.
5. Mã cổ phiếu (*nếu có*): .....
6. Nơi mở tài khoản thanh toán: .....Số hiệu tài khoản: .....
7. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp....do Sở Kế hoạch và Đầu tư....cấp lần đầu ngày ....., cấp thay đổi lần thứ.....ngày ....(*neu thông tin thay đổi lần gần nhất*).
- Ngành nghề kinh doanh chính: ..... Mã ngành: .....
- Sản phẩm/dịch vụ chính: .....
8. Giấy phép thành lập và hoạt động (*nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành*): .....

**II. TRÁI PHIẾU DỰ KIẾN CHÀO BÁN**

1. Tên trái phiếu: .....

2. Loại trái phiếu: .....
3. Số lượng trái phiếu đăng ký chào bán ..... trái phiếu
4. Mệnh giá trái phiếu ..... đồng
5. Giá bán dự kiến..... đồng/trái phiếu
6. Thời hạn trái phiếu..... năm
7. Lãi suất...../năm.
8. Kỳ trả lãi: .....
9. Thị trường phát hành: .....
10. Mục đích phát hành: .....
11. Ngày kết thúc việc thu tiền mua cổ phiếu: .....
12. Ngày giao dịch dự kiến: .....

### **III. KẾT QUẢ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU**

1. Số trái phiếu đã phân phối: .....
2. Giá phát hành: .....

### **IV. TÀI LIỆU GỬI KÈM (nếu có)**

....., ngày.... tháng.... năm 20...

**TÊN DOANH NGHIỆP PHÁT  
HÀNH**

*(Người đại diện theo pháp luật)*

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

**Mẫu số 05****MẪU BẢN XÁC NHẬN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ TRƯỚC KHI MUA TRÁI  
PHIẾU***(Kèm theo Nghị định số: .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kính gửi:

- Tên doanh nghiệp phát hành trái phiếu/ Tên tổ chức cung cấp dịch vụ đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu (*đối với mua trái phiếu trên thị trường sơ cấp*)

- Tên công ty chứng khoán nơi nhà đầu tư thực hiện giao dịch (*đối với mua trái phiếu trên thị trường thứ cấp*)

Tên tôi là: .....

Ngày tháng năm sinh:..... Giới tính.....

Số CCCD/ Hộ chiếu:.....Ngày cấp:..... Nơi cấp.....

Nơi ở hiện tại: .....

Điện thoại liên hệ:.....

Trên cơ sở nội dung thỏa thuận về việc mua/ bán trái phiếu (**mã trái phiếu**) của (**tên doanh nghiệp phát hành**) phát hành ngày....., tôi xác nhận các nội dung sau đây:

1. Tôi là nhà đầu tư được mua, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ thuộc một hoặc một số trường hợp sau:

Cá nhân là nhà đầu tư chiến lược đáp ứng tiêu chí và nằm trong danh sách nhà đầu tư chiến lược được Đại hội đồng cổ đông doanh nghiệp phát hành thông qua (*kèm theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số...ngày... của (tên doanh nghiệp phát hành)*);

Cá nhân có chứng chỉ hành nghề chứng khoán theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 (nêu rõ loại chứng chỉ, số, ngày cấp, hiệu lực);

Cá nhân nắm giữ danh mục chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch có giá trị là tỷ..... đồng, đáp ứng giá trị tối thiểu là 02 tỷ đồng theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 11 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 (*kèm theo văn*

*bản xác nhận theo quy định tại khoản d Điều 9 Nghị định số .../2025/NĐ-CP);*

□ Cá nhân có thu nhập chịu thuế năm .... (năm liền trước năm mua trái phiếu) là..... tỷ đồng theo hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế hoặc chứng từ khấu trừ thuế của tổ chức, cá nhân chi trả, đáp ứng mức thu nhập chịu thuế tối thiểu là 01 tỷ đồng theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 11 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 (kèm theo hồ sơ xác nhận theo quy định tại khoản 5 Điều 5 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành Luật Chứng khoán).

2. Tôi đã tiếp cận và đọc đầy đủ nội dung công bố thông tin về:

(i) Đợt chào bán trái phiếu (**mã trái phiếu**) do (**Tên doanh nghiệp phát hành trái phiếu/ Tên tổ chức cung cấp dịch vụ đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu**) (*đối với mua trái phiếu trên thị trường sơ cấp*) cung cấp (nêu cụ thể tên người đại diện tổ chức, địa chỉ, thông tin liên lạc, chức danh)

Hoặc

(ii) Trái phiếu (**mã trái phiếu**) do (**Tên tổ chức sở hữu trái phiếu/ công ty chứng khoán nơi nhà đầu tư thực hiện giao dịch**) (*đối với mua trái phiếu trên thị trường thứ cấp*) (nêu cụ thể tên người đại diện tổ chức sở hữu trái phiếu, địa chỉ, thông tin liên lạc, chức danh người đại diện cho tổ chức).

Các hồ sơ tiếp cận bao gồm:

- Bản công bố thông tin về đợt chào bán trái phiếu theo quy định tại Điều 19 Nghị định số .../.../ND-CP, gồm .....
- Phương án phát hành trái phiếu theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số .../.../ND-CP, gồm .....
- Các hồ sơ chào bán trái phiếu theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 12 Nghị định số .../.../ND-CP, gồm .....
- Các nội dung công bố thông tin định kỳ của doanh nghiệp phát hành theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số ...../.../ND-CP, gồm.....;

...

*(Liệt kê đầy đủ các tài liệu, hồ sơ đã đọc)*

3. Sau khi tiếp cận thông tin và các tài liệu, hồ sơ về trái phiếu (**mã trái phiếu**), tôi xác nhận:

3.1. Tôi đã hiểu thông tin về trái phiếu dự kiến mua theo các thông tin, hồ sơ tiếp cận, bao gồm:

a) Doanh nghiệp phát hành là..... , đang hoạt động trong lĩnh vực .....

b) Về tình hình tài chính của doanh nghiệp: Nêu rõ thông tin tìm hiểu về vốn, tài sản, hệ số dư nợ vay của doanh nghiệp là ..., tỷ lệ đảm bảo an toàn tài chính, an toàn hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành .....

c) Về mục đích phát hành trái phiếu:

- Mục đích phát hành trái phiếu của doanh nghiệp là .....

- Trường hợp mục đích phát hành trái phiếu là cho dự án đầu tư thì nêu rõ tình trạng pháp lý và các rủi ro đầu tư của dự án. Trường hợp mục đích phát hành trái phiếu để cơ cấu lại các khoản nợ thì các khoản nợ được cơ cấu gồm , (cụ thể giá trị, kỳ hạn của khoản nợ được cơ cấu).

d) Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ phát hành trái phiếu của doanh nghiệp là..... ; Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu tạm thời nhận rồi (trong trường hợp giải ngân theo tiến độ) là...

;

đ) Phương án bố trí nguồn và phương thức thanh toán gốc, lãi trái phiếu của doanh nghiệp là .....

e) Trái phiếu có/ không có tài sản đảm bảo. Tài sản đảm bảo có giá trị ..... Đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại..... Số ký hiệu là.....;

g) Về điều kiện, điều khoản khác của trái phiếu: Lãi suất, kỳ hạn của trái phiếu là .....

h) Các cam kết của doanh nghiệp phát hành là .....

i) Đối tượng chào bán trái phiếu (**mã trái phiếu**) là theo phương án phát hành trái phiếu của doanh nghiệp quy định tại Khoản 1 Điều 13 Nghị định số .../.../ND-CP. (**Tên tổ chức mua trái phiếu**) là đối tượng nhà đầu tư ..... nên được mua và giao dịch trái phiếu (**mã trái phiếu**) ..... theo quy định.

k) Đại diện người sở hữu trái phiếu là.....(nếu có)

l) Các thông tin khác về trái phiếu bao gồm .....

Trên cơ sở tìm hiểu kỹ các các thông tin về trái phiếu dự kiến mua theo các thông tin, hồ sơ tiếp cận nêu trên, tôi đánh giá doanh nghiệp phát hành..... (*nêu cụ thể đánh giá của nhà đầu tư về khả năng trả*

*được đầy đủ, đúng hạn lãi, gốc trái phiếu của doanh nghiệp).*

3.2. Tôi hiểu rõ việc đầu tư vào trái phiếu mã (**mã trái phiếu**) có thể phát sinh các rủi ro sau: (*nêu rõ các rủi ro liên quan đến việc đầu tư trái phiếu*).

3.3. Tôi đã hiểu rõ rằng:

a) Trái phiếu (**mã trái phiếu**) là trái phiếu doanh nghiệp phát hành theo phương thức riêng lẻ.

b) Trái phiếu (**mã trái phiếu**) do doanh nghiệp phát hành theo nguyên tắc tự vay, tự trả và tự chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng vốn và đảm bảo khả năng trả nợ. Nhà nước **KHÔNG** đảm bảo việc doanh nghiệp phát hành trái phiếu thanh toán đầy đủ, đúng hạn lãi, gốc trái phiếu khi đến hạn và các quyền khác cho nhà đầu tư.

4. Trên cơ sở hiểu rõ và tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật về đối tượng nhà đầu tư, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, trên cơ sở tìm hiểu kỹ thông tin và đánh giá lợi ích, rủi ro của việc mua trái phiếu nêu trên, tôi quyết định mua trái phiếu cho chính mình và sử dụng nguồn tiền hợp pháp để mua trái phiếu. Tôi tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình và tự chịu các rủi ro phát sinh trong việc đầu tư, giao dịch trái phiếu./.

... , ngày... tháng.... năm ....

**Nhà đầu tư**

(Ký, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của tổ chức/ cá nhân cung cấp thông tin về trái phiếu theo điểm 2 nêu trên về việc đã cung cấp đủ hồ sơ, thông tin cho nhà đầu tư

1. (**Tên doanh nghiệp phát hành trái phiếu/ Tên tổ chức cung cấp dịch vụ đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu**) (*đối với mua trái phiếu trên thị trường sơ cấp*) cung cấp (nêu cụ thể tên doanh nghiệp, địa chỉ doanh nghiệp, điện thoại liên hệ và tên người đại diện tổ chức, căn cước công dân, chức danh thông tin liên lạc)

(Ngày/ tháng, năm; ký, đóng dấu)

*Hoặc*

2. (**Tên tổ chức sở hữu trái phiếu/ công ty chứng khoán nơi nhà đầu tư thực hiện giao dịch**) (*đối với mua trái phiếu trên thị trường thứ cấp*) (nêu cụ

thể tên tổ chức sở hữu trái phiếu, địa chỉ tổ chức, điện thoại liên hệ và tên người đại diện tổ chức, căn cước công dân, chức danh thông tin liên lạc).

**(Ngày/ tháng, năm; ký, đóng dấu)**

---

Xác nhận của tổ chức đã xác nhận tư cách nhà đầu tư tại điểm 1 nêu trên:

1. **(Tên doanh nghiệp phát hành trái phiếu/Tên công ty chứng khoán được ủy quyền)** *(đối với mua trái phiếu trên thị trường sơ cấp)* xác nhận (nêu cụ thể tên doanh nghiệp, địa chỉ doanh nghiệp, điện thoại liên hệ và tên người đại diện doanh nghiệp, căn cước công dân, chức danh thông tin liên lạc).

*Hoặc*

2. **(Tên công ty chứng khoán nơi nhà đầu tư thực hiện giao dịch)** *(đối với mua trái phiếu trên thị trường thứ cấp)* xác nhận (nêu cụ thể tên doanh nghiệp, địa chỉ doanh nghiệp, điện thoại liên hệ và tên người đại diện doanh nghiệp, căn cước công dân, chức danh thông tin liên lạc).

**(Ngày/tháng, năm; ký, đóng dấu)**



**Mẫu số 06**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU TRÊN HỆ THỐNG GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP RIÊNG LẺ TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**  
(Kèm theo Nghị định số.../.../ND-CP ngày tháng năm của Chính phủ)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH**

Mã trái phiếu: .....

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán.

**I. GIỚI THIỆU VỀ DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU**

1. Tên doanh nghiệp (đầy đủ): .....
2. Tên tiếng Anh (nếu có): .....
3. Tên viết tắt (nếu có): .....
4. Vốn điều lệ đăng ký: .....
5. Vốn điều lệ thực góp: .....
6. Địa chỉ trụ sở chính: .....
7. Điện thoại:..... Fax: .....
8. Căn cứ pháp lý hoạt động kinh doanh:  
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:..... do..... cấp ngày .....
- hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động số:..... do..... cấp ngày.....
- Ngành nghề kinh doanh chủ yếu:..... Mã số: .....
- Sản phẩm/dịch vụ chính: .....

**II. TRÁI PHIẾU ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH**

1. Tên trái phiếu: .....
2. Loại trái phiếu: .....

3. Mã trái phiếu: .....
4. Mệnh giá trái phiếu .....đồng
5. Số lượng trái phiếu đăng ký giao dịch .....trái phiếu
6. Thời gian dự kiến giao dịch: .....
7. Kỳ hạn trái phiếu  
..... nă  
m
8. Lãi suất...../năm.
9. Kỳ trả lãi: .....

### III. TÀI LIỆU GỬI KÈM

1. Hợp đồng ký kết với Đại diện người sở hữu trái phiếu (nếu có);
2. Kết quả xếp hạng tín nhiệm của tổ chức xếp hạng tín nhiệm đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu hoặc loại trái phiếu phát hành (nếu có);
3. Quyết định phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu của cấp có thẩm quyền; Quyết định phê duyệt việc đăng ký giao dịch trái phiếu của cấp có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu;
4. Văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có);
5. Giấy phép thành lập và hoạt động, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

.... , ngày...tháng...năm...

**DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH**

(Người đại diện theo pháp  
luật) (Ký, ghi rõ họ tên và  
đóng dấu)

**Mẫu số 07**

**MẪU GIẤY THÔNG BÁO CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP RIÊNG LẼ TẠI THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC**  
(Kèm theo Nghị định số: .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ)

**TÊN CÔNG TY**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: ...../.....

....., ngày ... tháng... năm 20...

**GIẤY THÔNG BÁO VỀ VIỆC CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP RIÊNG LẼ TẠI THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC**

Trái phiếu .....(mã trái phiếu)

Kính gửi: .....(1)<sup>1</sup>

**I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU**

1. Tên tổ chức chào bán (đầy đủ): .....
2. Địa chỉ trụ sở chính: .....
3. Điện thoại: ..... Fax: .....
4. Vốn điều lệ:  
.....
5. Mã cổ phiếu (nếu có): .....
6. Loại hình doanh nghiệp
7. Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy phép có giá trị tương đương) mã số ... do cơ quan quản lý tại Bộ ( ) ... cấp lần đầu ngày , cấp thay đổi lần ... ngày .. (nêu thông tin thay đổi lần gần nhất)

<sup>1</sup> Trường hợp doanh nghiệp không phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán: Gửi Sở Tài chính.

Trường hợp doanh nghiệp là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán: Gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Ngành nghề kinh doanh chủ yếu:.....Mã ngành:.....
- Sản phẩm/dịch vụ chính: .....
- Vốn điều lệ: .....

8. Doanh nghiệp phát hành thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về việc phát hành. (có/không).

9. Mã số thuế:

## II. HÌNH THỨC PHÁT HÀNH: CHÀO BÁN RIÊNG LẺ

## III. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH, PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

.....

## IV. THÔNG TIN VỀ TRÁI PHIẾU CHÀO BÁN

1. Tên trái phiếu: .....

2. Loại trái phiếu: .....

3. Kết quả xếp hạng tín nhiệm trong trường hợp bắt buộc phải xếp hạng tín nhiệm theo quy định của pháp luật; hoặc kết quả xếp hạng tín nhiệm (nếu có) trong trường hợp không bắt buộc phải xếp hạng tín nhiệm.

Có xếp hạng tín nhiệm thuộc trường hợp bắt buộc phải xếp hạng tín nhiệm

Có xếp hạng tín nhiệm thuộc trường hợp không bắt buộc phải xếp hạng tín nhiệm

Không có xếp hạng tín nhiệm

*(Nếu có xếp hạng tín nhiệm thì nêu cụ thể kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với doanh nghiệp phát hành hoặc trái phiếu phát hành tại thời điểm công bố thông tin, ngày công bố kết quả xếp hạng tín nhiệm và tên doanh nghiệp cung cấp dịch vụ xếp hạng tín nhiệm)*

4. Mệnh giá trái phiếu .....đồng/trái phiếu.

5. Số lượng trái phiếu chào bán ..... trái phiếu.

6. Tổng giá trị ..... trái phiếu chào bán (theo mệnh giá):..... đồng.

7. Giá chào bán..... đồng/trái phiếu.

8. Lãi suất danh nghĩa dự kiến: (trường hợp lãi suất thả nổi, lãi suất kết hợp thì nêu cách thức xác định lãi suất).

9. Kỳ hạn trái phiếu: .....

10. Kỳ trả lãi:.....

11. Điều khoản mua lại trái phiếu, mua lại trái phiếu trước hạn:....

12. Các điều khoản liên quan đến chuyển đổi trái phiếu (*trường hợp chào bán trái phiếu chuyển đổi*):

- Thời hạn chuyển đổi: .....

- Tỷ lệ chuyển đổi hoặc phương pháp xác định tỷ lệ chuyển đổi:.....

- Phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài: .....

- Các điều khoản khác (*nếu có*): .....

13. Các điều khoản đối với chứng quyền kèm theo trái phiếu (*trường hợp chào bán trái phiếu kèm chứng quyền*):

a. Thời hạn thực hiện quyền: .....

b. Tỷ lệ thực hiện quyền: .....

c. Giá cổ phiếu thực hiện chứng quyền và nguyên tắc tính thực hiện chứng quyền:.....

d. Phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài: .....

e. Các điều khoản khác (*nếu có*): .....

14. Các thông tin khác liên quan trái phiếu có bảo đảm (*trường hợp chào bán trái phiếu có bảo đảm*):

a. Hình thức bảo đảm: .....

b. Giá trị trái phiếu được bảo đảm: .....

c. Bảo đảm bằng bảo lãnh thanh toán (*trường hợp bảo đảm thanh toán bằng bảo lãnh*):

+ Tên tổ chức bảo lãnh thanh toán: .....

+ Giá trị bảo lãnh: .....

d. Bảo đảm bằng tài sản (*trường hợp bảo đảm thanh toán bằng tài sản*):

+ Tài sản bảo đảm: .....

+ Giá trị tài sản bảo đảm: .....

+ Chủ sở hữu tài sản bảo đảm: .....

+ Tổ chức nhận tài sản bảo đảm: .....

e. Đại diện người sở hữu trái phiếu (nếu có): .....

15. Thứ tự ưu tiên thanh toán trái phiếu: .....

16. Thông tin về trái phiếu đã phát hành hiện đang lưu hành của tổ chức phát hành

a. Tổng giá trị trái phiếu hiện đang lưu hành của tổ chức phát hành: ....đồng, trong đó:

+ Tổng giá trị trái phiếu chào bán ra công chúng.....đồng.

+ Tổng giá trị trái phiếu chào bán riêng lẻ: .....đồng.

b. Tổng giá trị trái phiếu huy động trong 12 tháng gần nhất tính đến thời điểm đăng ký chào bán:.....đồng, trong đó:

+ Tổng giá trị trái phiếu chào bán ra công chúng.....đồng.

+ Tổng giá trị trái phiếu chào bán riêng lẻ: .....đồng.

17. .... Tỷ lệ tổng giá trị trái phiếu đăng ký chào bán thêm trên tổng giá trị trái phiếu hiện có %.

18. Thời gian dự kiến chào bán: .....

19. Phương thức phân phối: .....

**V. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN** (Nêu phương án sử dụng, tiến độ sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán và nguồn vốn đối ứng khác (nếu có))

## VI. ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC CHÀO BÁN

1. Tiêu chí lựa chọn đối tượng được chào bán: .....

2. Danh sách dự kiến (đính kèm): .....

Stt	Tên nhà đầu tư	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Đối tượng		Số lượng trái khoán dự kiến chào bán cho từng nhà đầu tư
			Nhà đầu tư chuyên nghiệp	Nhà đầu tư chiến lược (nêu tên từng NĐT)	
1					
2					
...					

## VII. CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ

1. Tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý chào bán: .....
2. Tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán: .....
3. Tổ chức đăng ký, lưu ký trái phiếu: .....
4. Tổ chức kiểm toán: .....
5. Tổ chức xếp hạng tín nhiệm (nếu có) : .....
6. Tổ chức cung cấp dịch vụ khác (nếu có):.....

## VIII. CAM KẾT CỦA DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH

1. Chúng tôi xin đảm bảo rằng những thông tin trong hồ sơ là đầy đủ và đúng sự thật, không phải là thông tin giả hoặc thiếu có thể làm cho nhà đầu tư mua trái phiếu chịu thiệt hại.

2. Chúng tôi cam kết:

- Đáp ứng điều kiện chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định tại Nghị định số .../.../ND-CP và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc lựa chọn nhà đầu tư tham gia đợt chào bán.

- Nghiên cứu đầy đủ và thực hiện nghiêm chỉnh các văn bản pháp luật quy định về chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ.

- Sử dụng số tiền huy động đúng mục đích.

- Chịu mọi hình thức xử lý nếu vi phạm các cam kết nêu trên.

## IX. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
2. Quyết định của cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp thông qua phương án chào bán và sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán;
3. Tài liệu cung cấp thông tin về đợt chào bán cho nhà đầu tư (nếu có);
4. Tài liệu sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán (nếu có);
5. Báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu hoặc kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với trái phiếu đăng ký chào bán (nếu có).
6. ....

....., ngày.... tháng.... năm 20..

**TÊN DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH**

(Người đại diện theo pháp luật)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Mẫu số 08**

**MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP RIÊNG LẼ TẠI THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC**  
(Kèm theo Nghị định số: .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ)

**TÊN CÔNG TY**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: ...../.....

....., ngày ... tháng... năm 20...

**THÔNG BÁO KẾT QUẢ ĐỢT CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP RIÊNG LẼ TẠI THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC**

Trái phiếu ..... (mã trái phiếu)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

**I. GIỚI THIỆU VỀ DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH**

1. Tên doanh nghiệp phát hành (đầy đủ): .....
2. Địa chỉ trụ sở chính: .....
3. Điện thoại: ..... Fax: ..... Website: .....
4. Vốn điều lệ..... đồng.
5. Mã cổ phiếu (nếu có): .....
6. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp....do Sở Kế hoạch và Đầu tư....cấp lần đầu ngày ....., cấp thay đổi lần thứ.....ngày ....(nêu thông tin thay đổi lần gần nhất).
  - Ngành nghề kinh doanh chính:..... Mã ngành: .....
  - Sản phẩm/dịch vụ chính: .....
7. Giấy phép thành lập và hoạt động (nếu có theo quy định của pháp luật



*chuyên ngành*): .....

## II. TRÁI PHIẾU CHÀO BÁN RIÊNG LẺ

1. Tên trái phiếu: .....
2. Loại trái phiếu:.....
3. Số lượng trái phiếu đăng ký chào bán ..... trái phiếu
4. Mệnh giá trái phiếu.....đồng
5. Giá bán dự kiến.....đồng/trái phiếu
6. Thời hạn trái phiếu.....năm
7. Lãi suất...../năm.
8. Kỳ trả lãi: .....
9. Thời gian hạn chế chuyển nhượng: .....
10. Các điều khoản liên quan đến chuyển đổi trái phiếu (*trường hợp chào bán trái phiếu chuyển đổi*):
  - Điều kiện: .....
  - Thời hạn chuyển đổi: .....
  - Tỷ lệ chuyển đổi và phương pháp tính giá chuyển đổi: .....
  - Các điều khoản khác (*nếu có*): .....
11. Các điều khoản của chứng quyền kèm theo trái phiếu (*trường hợp phát hành trái phiếu kèm theo chứng quyền*):
  - Thời gian thực hiện quyền: .....
  - Tỷ lệ thực hiện quyền: .....
  - Giá cổ phiếu phát hành: .....
12. Ngày phát hành: .....
13. Ngày bắt đầu đợt chào bán: .....
14. Ngày kết thúc đợt chào bán: .....
15. Thời hạn đăng ký mua: từ ngày ..... đến ngày .....
16. Ngày thanh toán tiền mua trái phiếu: .....
17. Ngày kết thúc chuyển giao trái phiếu: .....

## III. KẾT QUẢ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU

1. Tổng số trái phiếu đã phân phối: ....., chiếm....% tổng số trái phiếu được phép chào bán.
2. Tổng số tiền thu từ việc bán trái phiếu: .....đồng (*có xác nhận*)

của ngân hàng nơi mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu đính kèm).

3. Tổng chi phí ..... đồng.

- Chi phí bảo lãnh phát hành: .....

- Chi phí phân phối trái phiếu: .....

- Chi phí kiểm toán: .....

- Chi phí khác (nếu có) .....

4. Tổng thu ròng từ đợt chào bán..... đồng

#### IV. DANH SÁCH NHÀ ĐẦU TƯ THAM GIA MUA TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI/TRÁI PHIẾU KÈM CHỨNG QUYỀN RIÊNG LẺ

STT	Tên nhà đầu tư	Số Giấy CMND/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số lượng trái phiếu dự kiến phân phối	Giá trị trái phiếu đã phân phối	Ghi chú
1	...				
2					
...					

#### V. CƠ CẤU VỐN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH SAU ĐỢT CHÀO BÁN

Đơn vị: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	Trước đợt chào bán	Sau đợt chào bán
Tổng nợ:		
Nợ ngắn hạn:		
Nợ dài hạn:		

Trong đó trái phiếu:		
Tổng vốn cổ phần:		
Tỷ lệ nợ/vốn cổ phần:		

Trong đó tổng giá trị trái phiếu người nước ngoài nắm giữ sau đợt chào bán: ... nghìn đồng, chiếm.....% tổng giá trị trái phiếu đang lưu hành.

## VI. TÀI LIỆU GỬI KÈM

1. Xác nhận của ngân hàng nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt chào bán;
2. Quyết định của cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp về việc phân phối trái phiếu (*nếu có*);
3. ....

....., ngày.... tháng.... năm 20...

**TÊN DOANH NGHIỆP PHÁT  
HÀNH**

(Người đại diện theo pháp luật)  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)